

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH ĐỒNG NAI

959.775 092 2

ĐC

S 106 NG

h Tới - Nguyễn Minh Hùng
(Chủ biên)

SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tỉnh Đồng Nai

(Phần 1)



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TỈNH ĐỒNG NAI
(PHẦN 1)

SÁNG NGỜI CHẤT NGỌC ANH HÙNG



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
TỈNH ĐỒNG NAI
(PHẦN I)

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2019/ĐC/VL

001645

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CHỦ BIÊN:

HUỲNH VĂN TỎI - NGUYỄN MINH HÙNG

BIÊN SOẠN, BIÊN TẬP:

HUỲNH VĂN TỎI - HÀ THỊ THANH THÚY

CỘNG TÁC VIÊN:

Đặng Thị Xuân Thắm, Dương Thị Hòa, Trần Văn Thanh, Nguyễn Xuân Tuấn, Huỳnh Thị Ngọc Xuân, Lại Thị Thanh Quỳnh, Lê Thị Hòa Thuận, Nguyễn Ngọc Thuận, Phạm Thành Vinh, Nguyễn Thị Nga, Võ Thị Nga, Vũ Thị Mùi, Phạm Thị Mỹ Ny, Lê Hải Yến, Hoàng Lộc, Phương Uyên, Hoàng Bích Phú, Ủy ban MTTQ Việt Nam các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

NGUỒN TƯ LIỆU:

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (NXB Đồng Nai 1996);
Tài liệu của Sở LĐTB&XH tỉnh; Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh.

ẢNH:

Ảnh tư liệu; Phan Dẫu; Đình Dũng; Phan Hoàng Oanh.

BÌA:

Hồ Giáo

Lời mở

Không có bà mẹ anh hùng thì không có những người con anh hùng. Chân lý đơn giản ấy ngời sáng và trường tồn trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vai trò của phụ nữ Việt Nam anh hùng của dân tộc anh hùng: *Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, thanh niên Việt Nam là thanh niên anh hùng, phụ nữ Việt Nam là phụ nữ anh hùng. Hai nghìn năm trước đây, ta có các nữ anh hùng: Hai Bà Trưng, Bà Triệu. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong kháng chiến chống Pháp trước kia và trong kháng chiến chống giặc Mỹ ngày nay, ta cũng có nhiều anh hùng là phụ nữ...*⁽¹⁾ “Nhân dân ta rất biết ơn các Bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta. Trong thời kỳ cách mạng hoạt động bí mật và trong những năm kháng chiến chống bọn thực dân Pháp và lũ can thiệp Mỹ, phụ nữ ta đều có công lao to lớn”⁽²⁾.

Đảng và Nhà nước ta, nhân dân ta đời đời nhớ ơn các bà mẹ Việt Nam đã có những hy sinh thầm lặng, cao cả. Giữa tháng 5/1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập cuộc họp do Tổng Bí thư Đỗ Mười chủ trì để nghe các bộ, ngành chức năng báo cáo, thảo luận và đề xuất về chủ trương, chính sách đối với “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Thực hiện kết luận của Ban Bí thư, Ngày 29/08/1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Quy định Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ

(1) Bài phát biểu tại Đại hội Những Phụ nữ xuất sắc trong phong trào “Ba đảm đang” ngày 2/12/1965.

(2) Bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Lễ Kỷ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngày 19/10/1966.

Việt Nam Anh hùng”. Ngày 10/09/1994, Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã ký Lệnh công bố Pháp lệnh Quy định Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”. Ngày 20/10/1994, Chính phủ ban hành Nghị định 167-CP thi hành Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.

Nội dung Pháp lệnh Quy định Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” qui định rõ về tầm quan trọng, tiêu chí và qui trình xét chọn, trao danh hiệu cao quý “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”; trong đó, *“Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” để tặng hoặc truy tặng những bà mẹ có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế”* (Điều 1); *“Người được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” được cấp bằng kèm theo huy chương, được hưởng một khoản tiền một lần và được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật”* (Điều 4).

Thực hiện Pháp lệnh về “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Lê Đức Anh ký quyết định tặng và truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” đợt đầu tiên cho 19.879 bà mẹ trong cả nước, trong đó có mẹ Nguyễn Thị Thứ ở Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam có chín con, 1 rể, 2 cháu ngoại là liệt sĩ (sau này được chọn làm hình tượng tiêu biểu tượng đài Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại Quảng Nam). Đến nay, đã có 37 đợt tặng và truy tặng cho hơn 127.000 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng trong cả nước⁽³⁾.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhiều năm qua, các địa phương, các ngành, đoàn thể trong cả nước đã đẩy lên phong trào “Phụng dưỡng

(3) Theo Báo cáo của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngày 10/7/2017.

các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”. Cùng với chế độ đãi ngộ theo quy định của Nhà nước, việc phụng dưỡng của các đơn vị quân đội, các tổ chức đoàn thể xã hội và nhân dân các địa phương đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của những mẹ còn sống.

Riêng ở tỉnh Đồng Nai, qua nhiều đợt, đến tháng 9 năm 2018, đã có 1.118 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định **tặng và truy tặng** danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”⁽⁴⁾. **Tất cả gia đình** của bà mẹ Việt Nam đều được hưởng đầy đủ, **kịp thời chính sách** của Nhà nước. Các bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đều được các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng khu dân cư hỗ trợ theo phong trào “Phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Từ năm 2017, cháu chắt trực hệ của mẹ Việt Nam anh hùng được trợ cấp học bổng “Chắp cánh ước mơ” do bà Trần Cẩm Nhung tài trợ.

Trong thực tế, mỗi bà mẹ có hoàn cảnh khác nhau, song đều giống nhau ở phẩm chất **anh hùng**: Thương chồng, thương con, hy sinh, kiên trì, bao dung; vừa đóng góp tâm sức cho cách mạng; vừa sinh thành, nuôi **dưỡng**, cống hiến chiến sĩ ưu tú cho đất nước; chịu đựng mất mát, đau thương do chồng, con hy sinh trong kháng chiến. Có bà mẹ cả mẹ và con đều là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có mẹ chồng con đều là liệt sĩ, bản thân cũng là liệt sĩ. Có mẹ hy sinh bản thân mình để bảo vệ cán bộ cách mạng, khi cải táng vẫn còn đầu đạn M79 trong phần ngực hài cốt. Có mẹ chỉ trong 4 tháng 4 lần khóc con hy sinh...

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định giao Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch biên soạn bộ sách *Sáng ngời chất ngọc anh hùng*; trong

(4) Theo tài liệu của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai.

đó Tập III: *Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tỉnh Đồng Nai* là bộ phận quan trọng nhằm đề ghi giữ, truyền đời công lao to lớn của các bà mẹ anh hùng ở Đồng Nai, làm tài liệu giáo dục cho mọi người, nhất là với thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Tập sách là kết tinh của tâm huyết và sự cố gắng hết lòng của nhiều anh chị em cầm bút chuyên nghiệp và không chuyên ở Đồng Nai trong sự giúp đỡ tận tình của chính quyền địa phương cũng như của thân nhân các bà mẹ anh hùng.

Tuy nhiên, quá trình hình thành tập sách vẫn gặp nhiều khó khăn, trắc trở. Chiến tranh kéo dài khiến mất mát, đau thương chồng chất; nhiều gia đình mẹ anh hùng ly tán, tha hương; phần lớn số mẹ anh hùng đã mất; tư liệu về đời sống thầm lặng của các mẹ thường chỉ nương theo trí nhớ và đếm thời gian trên đốt ngón tay. Tài liệu lưu trữ (nhất là hình ảnh) thiếu hệ thống, không đầy đủ, phân tán và nhiều sai lạc gây khó khăn rất nhiều cho công tác biên soạn, biên tập. Bởi vậy, tập sách dày trang nhưng mới chỉ phản ánh được một phần nhỏ cuộc sống anh hùng của các bà mẹ anh hùng; hãy còn khá nhiều khiếm khuyết mà tác giả các trang viết không thể vượt qua, thậm chí còn có những sai lệch giữa bài viết và hồ sơ về họ, tên, năm tháng, công trạng... không thể xác định. Tại thời điểm biên soạn tập sách, còn danh sách 97 mẹ, trong đó có 13 mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng (theo Quyết định số 454/QĐ-CTN ngày 26/3/2018) chưa có đủ thông tin để viết bài, chủ biên xin lập danh sách phụ lục, sau này khi có đủ điều kiện sẽ tái bản, bổ sung.

Với tư liệu ít ỏi ghi nhận được, tập sách sắp xếp các bài viết theo từng đơn vị huyện, thành phố. Cuối tập sách có bảng tra cứu tên các mẹ theo hệ thống A,B,C... ứng với số trang để tiện

cho việc tìm đọc không theo đơn vị. Những trường hợp sai lệch không xác minh được đành phải ghi chú hoặc mở ngoặc để tham khảo. Có nhiều bà mẹ Việt Nam anh hùng ở Đồng Nai đã chuyển đi nơi khác hoặc từ nơi khác chuyển đến cũng xin được đưa vào tập sách.

Mặc dù đã nhiều cố gắng, nhưng tập sách *Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tỉnh Đồng Nai* vẫn không tránh khỏi những thiếu sót ngoài ý muốn. Mong bạn đọc gần xa, các mẹ anh hùng, gia đình các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng lượng thứ, chia sẻ và góp ý bổ khuyết.

HUỲNH VĂN TÔI





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THÀNH PHỐ BIÊN HÒA





Bùi Thị Dì (1910 - 1984)

Mẹ Bùi Thị Dì sinh năm 1910 tại làng Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Mẹ lấy ông Lê Văn Chương sinh hạ nhiều con, nhưng chỉ nuôi được đến tuổi trưởng thành hai trai, hai gái. Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp⁽¹⁾ mấy tháng, phong trào Thanh niên Tiền phong phát triển khắp Nam Bộ. Chồng mẹ cùng con trai lớn là Lê Văn Mộng (Tư Mộng, tức Mộng Linh) cùng hàng trăm trai tráng làng Tân Hiệp hăng hái luyện tập đội ngũ, tập võ, tham gia tuần tra canh gác xóm làng, dù ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một lính Nhật vẫn ngهنهن ngang ngoài đường.

Gần cuối tháng 8/1945, Thanh niên Tiền phong làng Tân Hiệp kéo nhau đi cướp chính quyền ở tỉnh lỵ, sau đó quay về lập ủy ban nhân dân xã lâm thời. Sống trong độc lập tự do chỉ được hai tháng, nhân dân Tân Vĩnh Hiệp lại đương đầu với giặc Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần nữa. Ông Lê Văn Chương và anh Tư Mộng tham gia công tác địa phương. Mọi việc làm ăn sinh sống dồn lên vai mẹ Bùi Thị Dì, mẹ phải nuôi chồng và con trai lớn đi kháng chiến (thời đó, mọi cán bộ, dân quân, du kích đều cơm nhà việc nước), nuôi dạy mấy con còn nhỏ, đóng góp ủng hộ nuôi quân, mặt khác, lo dắt dúi đàn con chạy giặc càn bố.

(1) Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945. Thanh niên Tiền phong thành lập tháng 5/1945.

Sau Hiệp định Genève tháng 7/1954, đất nước ta tạm chia làm hai miền. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, âm mưu biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới. Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến lược chiến tranh một phía hòng tiêu diệt cách mạng miền Nam. Chúng mở nhiều chiến dịch tổ cộng, diệt cộng, lập hàng ngàn nhà tù, trại giam khắp nơi hòng quét sạch Việt Cộng nằm vùng. Anh Tư Mộng được cán bộ ta giáo dục, tham gia lực lượng mật địa phương đầu năm 1957. Đến năm sau (1958), địch khủng bố ác liệt hơn, chúng ra sức lùng bắt người kháng chiến cũ thì ông Lê Văn Chương và anh Lê Tùng Chinh (Năm Chinh) đều thoát ly, tham gia công tác mật. Mẹ Bùi Thị Dì sống với con gái và bị địch kìm kẹp chặt, tuy vậy mẹ vẫn lén tìm cách tiếp tế và đi thăm chồng con ở căn cứ.

Sau Nghị quyết 15 của Trung ương⁽²⁾, cao trào Đồng khởi lan rộng khắp nơi. Từ đấu tranh chính trị đơn thuần với nhiều tổn thất to lớn, nhân dân Tân Vĩnh Hiệp cũng như toàn quận Châu Thành (Bình Dương) đã đứng lên đấu tranh kết hợp chính trị - vũ trang chống lại chế độ tay sai Sài Gòn. Ông Lê Văn Chương, anh Tư Mộng, anh Năm Chinh và nhiều thanh niên khác gia nhập bộ đội địa phương Thủ Dầu Một. Năm 1962, con gái út mẹ Bùi thị Dì là Lê Thị Chính (Lê Ngọc Sương) cũng đi thoát ly, vào đơn vị vũ trang mà cha và các anh cô đang có mặt. Anh Tư Mộng là Trung đội phó đơn vị C.304 Thủ Dầu Một tham gia đánh bót áp chiến lược Gò Mối ở đường 13, hy sinh đêm 8/2/1963 (rằm tháng giêng Quý Mão). Mãi về sau, mẹ mới nghe tin dữ; sống trong lòng địch, mẹ phải cố nén

(2) Nghị quyết TW 15 (khóa II) tháng 1/1959.

nổi đau không lộ ra ngoài. Thi thoảng móc được giao liên, mẹ đi thăm chồng và các con ở vùng căn cứ, dù đi lại khó khăn, vất vả. Mẹ là cơ sở mật nơi con gái (đã lấy chồng) cư ngụ. Ông Lê Văn Chương là trung đội phó phụ trách hậu cần huyện đội Châu Thành Thủ Dầu Một, tuy đã ngoài 60 nhưng vẫn hăng hái, xông xáo chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Như con thôi, ông cùng các đồng chí từ căn cứ xuống cửa khẩu và các địa bàn đại quân sẽ qua, các mục tiêu ta sẽ tiến công để chuẩn bị trước về lương thực, thực phẩm, thuốc men, nơi đặt trạm phẫu... Ngay đợt I Mậu Thân, ông tham gia giải quyết việc tải thương từ các chiến trường về căn cứ quân y Phân khu 5 ở Bàu Gốc (Bình Mỹ). Ngày 30/1/1968, ông hy sinh trong một trận địch pháo kích vào căn cứ này. Khi đón nhận tin này, mẹ Bùi Thị Dì muốn ngất xỉu. Thế là mẹ đã mất hai người thân; bom đạn ác liệt khiến mẹ không thể đến cảm nén nhang trên mộ người đã khuất.

Trưởng thành dần trong chiến đấu, chị Út Chính (Lê Ngọc Sương) được cử làm Huyện đội phó Châu Thành. Năm 1970, chị bị bắt, bị tù đầy qua nhiều trại giam của địch (đến năm 1973 được trao trả ở Lộc Ninh). Mẹ Bùi Thị Dì rất buồn và lo cho con gái, muốn đi thăm nuôi, nhưng không biết chị ở đâu mà đi. Vả lại, mẹ đã già (66 tuổi), tiền bạc không có, nên đành ngậm ngùi, nén nỗi đau vò xé trong lòng. Anh Năm Chính trở thành Tiểu đoàn phó bộ đội, Huyện đội trưởng Huyện đội Châu Thành. Tháng 9/1972, anh được cử đi học trường H.12 miền Đông. Khi vượt đường 13, anh lọt ổ phục kích của địch, hy sinh cùng một đồng chí vào đêm 4/9/1972 (27 tháng bảy năm Nhâm Tý). Bọn địch thu được một số giấy tờ, tài liệu, đã tiến

hành phát loa nói bắt được anh và anh đã “về với chính nghĩa quốc gia”; chúng mạo lời anh để gọi hàng các anh em khác...

Sau ngày toàn thắng (30/4/1975), mẹ Bùi Thị Dìà mừng đón con gái út trở về, nhưng càng đau xót vì chồng và hai con trai vĩnh viễn nằm lại các chiến trường xa. Mẹ được tặng Huân chương Độc lập, hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước. Năm 1984, mẹ đã gặp chồng và hai con trai ở côi Vô cùng, hết cả một đời mong nhớ, đau thương, sầu khổ. Mẹ đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quyết định số 483/KTCTN ngày 24/4/1995.





Đỗ Thị Thi (1904)

Mẹ Ba Thi sinh năm 1904, ở làng Tân Bản, xã Bửu Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa cũ (nay là phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa), trong một gia đình nông dân nghèo; lớn lên mẹ lại lấy chồng cũng nghèo. Tục ngữ có câu: “lá lành đùm lá rách”, đằng này “lá rách đùm lá te tua”, làm sao tránh được nắng lửa mưa dầu. Vợ chồng mẹ quanh năm suốt tháng đi làm mướn, chạy ăn từng bữa vì không có thước đất cắm dùi. Mỗi năm, người dân đen như ông có khi không có tiền đóng thuế thân mức vô sản (hạng chót), lâu lâu các chức việc hội tề lại bắt đi xâu, làm việc công ích cho làng, cho xã. Cuộc đời lam lũ, tả tơi càng thêm cực khi con trai duy nhất Nguyễn Văn Trí ra đời năm 1929.

Bốn tay làm nuôi hai miệng còn chưa no, nay thêm một miệng nữa làm đứa nhỏ khổ lây.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công vừa hai tháng thì thực dân Pháp trở lại chiếm đóng Biên Hòa. Chúng lập bót Bửu Hòa, càn đi quét lại hòng gom dân nhằm thực hiện âm mưu bắt lính “dùng người Việt đánh người Việt”. Làng Tân Bản chỉ cách bót Chợ Đồn khoảng một cây số nhưng địch ít léo hánh. Đội du kích Bửu Hòa do Châu Ngọc Đức và Tư Thiết chỉ huy làm chủ làng Tân Bản, nếu địch qua cầu Quan bị chặn đánh liền. Anh Nguyễn Văn Trí vừa 17 tuổi, tham gia du kích xã, chiến đấu một số trận ngay tại làng mình. Gia đình mẹ Ba Thi rất khổ tâm vì nghèo mà ít tiếp tế cho con được bằng anh em. Song, Hai Trí quen chịu đựng, không đòi

hỏi gì. Thế giặc mạnh dần, số quân ở Tổng hành dinh Cao Đài đông lên khiến anh em du kích và chính quyền, đoàn thể xã phải rút qua rừng Hóa An rồi lên An Phú Xã (Lái Thiêu). Mẹ Ba Thì đôi lần lên thăm con ở căn cứ, dù tiền bạc hiếm hoi cũng cố nhín mua cho con trai thân yêu một vài thứ.

Năm 1949, anh Hai Trí được chuyển lên đại đội Nguyễn Văn Nghĩa (Tân Uyên). Tháng 7/1951, anh tham gia trận đánh yếu khu quân sự Trảng Bom và bị hy sinh. Bố mẹ anh về sau mới nghe tin dữ, mẹ Ba Thì thương khóc mãi không nguôi. Trẻ cậy cha, già cậy con; nay con không còn thì lúc về già ông bà biết nương tựa vào ai? Con trai chết một thời gian, ông cũng qua đời. Từ đó, mẹ Ba Thì nương dựa các chị em ruột, lúc khỏe làm lấy mà ăn; ăn nhờ, ở đậu long đong vất vả hơn ba mươi năm cuối đời.

Mẹ Đỗ Thị Thì kịp hưởng chế độ chính sách Nhà nước, được địa phương cất nhà tình nghĩa, có chỗ ở đàng hoàng nhưng vẫn sống cô đơn, chật vật. Hiến dâng nóm ruột duy nhất cho Tổ quốc, bao năm chịu cảnh lam lũ đói nghèo, mẹ vui một chút trước lúc vào cõi vĩnh hằng. Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985. Mẹ được Nhà nước tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quyết định số 394/TKCT ngày 14/12/1994.



Hồ Thị Tỏ (1900 - 1985)

Mẹ Hồ Thị Tỏ sinh năm 1900 tại xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Mẹ lập gia đình ở tuổi đôi tám, sinh hạ vài lần, nhưng còn lại đến tuổi trưởng thành chỉ một con trai duy nhất là anh Hồ Văn Răng.

Văn Răng.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công trên đất Cù Lao Phố, mẹ rất vui khi thấy anh Tư Răng hăng hái tham gia Thanh niên Tiền phong, rồi vào dân quân du kích canh gác bảo vệ xóm làng. Con mình cũng bằng anh bằng em, đó là niềm mơ ước của người mẹ đã đứng tuổi. Mẹ ủng hộ anh em gạo, thức ăn để anh em luyện tập quân sự. Hai tháng sau, giặc Pháp trở lại chiếm đóng Biên Hòa. Chúng càn quét, lùng sục bắt bớ thanh niên đi lính pactidăng (partisant) làm bia đỡ đạn cho chúng. Theo chân các đồng chí Ba Tạo, Tư Đồng... anh Tư Răng qua sông ở căn cứ du kích Bình Đa, trong đội du kích xã. Mẹ Hồ Thị Tỏ và vợ anh thi thoảng qua sông tiếp tế cho con, cho chồng: tiền, gạo, một số thứ cần dùng ... Mẹ tham gia gác bẹo (tín hiệu an toàn hay có giặc ruồng bố) cùng bà con ấp Bình Kính. Nhờ có đội trinh sát nhân dân rất đông đảo nên anh em ta từ căn cứ Bình Đa về Hiệp Hòa công tác đều được an toàn. Lính bót đầu cầu Rạch Cát vừa ra khỏi hàng rào, ta đã biết mà tránh. Cuối năm 1949, một đoàn cán bộ quân sự Quân khu 7 về tỉnh Biên Hòa kiểm tra phong trào “thi đua yêu nước, giết giặc lập công”. Nghe cán bộ xã Hiệp Hòa báo cáo phong trào, cả xã bảo vệ an toàn cho cán bộ và du kích về địa phương công tác, đoàn đã theo anh em về tận

chùa Đại Giác cách bót giặc không xa. Xã Hiệp Hòa sau đó được tặng cờ thi đua “Thành đồng Tổ quốc”. Mẹ Hồ Thị Tỏ đã góp phần nhỏ bé cùng đông đảo bà con làm vẻ vang cho Cù lao Phố trong vùng địch chiếm đóng.

Sau Hiệp định Geneve tháng 7/1954, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Địch đàn áp, bắt bớ cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến cũ ở lại. 18 giờ chiều 2/12/1956, gần 500 cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng bị địch giam giữ tại Trung tâm cải huấn Tân Hiệp đã nổi dậy, phá ngục giành tự do, bổ sung lực lượng quan trọng cán bộ cho phong trào đang bị đàn áp. Anh Tư Răng là đảng viên nằm vùng đã đón và đưa đường cho một nhóm cựa tù về các địa phương. Bị lộ và bị truy lùng, anh đi thoát ly luôn. Mẹ Hồ Thị Tỏ là một cơ sở chí cốt ở ấp Bình Kính. Anh em tới lui, mẹ đều nuôi giấu. Số cơ sở chí cốt như mẹ Tỏ ở Cù Lao Phố có đến hàng trăm, do đó nơi đây có nhiều cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện về hoạt động.

Từ năm 1955 đến năm 1957, cơ quan Tỉnh ủy Biên Hòa, Thị ủy Biên Hòa và Huyện ủy Vĩnh Cửu từng trụ bám để chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị. Cả Cù Lao Phố có hàng chục *lõm chính trị*⁽¹⁾ liên hoàn. Ngay những khi địch khủng bố ác liệt, ở đây cũng không vắng bóng cán bộ, đảng viên. Những “con cá cách mạng” này sống được vì tuyệt đại bộ phận nhân dân là “đại dương” sẵn sàng nuôi giấu. Mẹ Hồ Thị Tỏ là một giọt nước của đại dương đó.

Sau vụ thảm sát Phú Lợi, ngày 1/4/1959, Huyện ủy Vĩnh Cửu tổ chức một cuộc đấu tranh chính trị nhằm vạch trần tội ác dã man của nhà cầm quyền Sài Gòn. Mẹ Hồ Thị Tỏ là một trong gần 40 mẹ và chị vào dinh Tỉnh trưởng Biên Hòa

(1) *Lõm chính trị*: một khu vực thuộc vùng địch tạm chiếm, nhưng ta xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng.

đòi đi thăm nuôi chồng con, anh em đang bị tù đầy ở các nhà lao giặc. Cả đoàn biểu tình bị công an địch xúc về ty, chúng hù dọa, khủng bố, đánh đập các mẹ, các chị hòng tìm ra người cầm đầu. Mẹ Hồ Thị Tỏ đã 50 tuổi, già yếu cũng bị mấy tát tai. Nhưng không ai khai điều gì, chiều hôm đó chúng phải thả.

Mẹ làm giao liên cho đồng chí Bảy Bê (Ngô Thị Bảy) - một Huyện ủy viên cực kỳ gang thép, chịu đựng hàng mấy chục trận tra tấn không một lời khai. Nhiều tài liệu, công văn, thư từ mật đã đến những nơi cần phải đến. Mẹ Hồ Thị Tỏ có bề ngoài đôn hậu, hiền lành, quê mùa nên địch không nghi ngờ khám xét lần nào. Có lần mẹ mang lọt một giỏ súng đạn từ căn cứ mật ở xa về Hiệp Hòa. Khi anh Tư Răng ở lõm căn cứ Tam Phước (Long Thành, nay thuộc TP.Biên Hòa), mẹ Tỏ tìm đi thăm; anh chuyển lên căn cứ Khánh Vân (Tân Uyên, nay thuộc tỉnh Bình Dương), mẹ và vợ anh cũng móc giao liên đi gặp. Khi mẹ ra về, thường có công văn, tài liệu mang theo, ta gửi vào cơ sở nội ô. Mẹ xứng đáng mang danh hiệu chiến sĩ giao liên xuất sắc không ở trong biên chế Thị ủy Biên Hòa.

Anh Tư Răng là một đảng viên mật, trở thành Ủy viên Thường vụ Thị ủy Biên Hòa ở cánh CZ.2 sau hai lần ở tù, sau nhiều năm công tác, chiến đấu lăn lộn ở một chiến trường ác liệt. Anh tự rút kinh nghiệm, ngoài ra còn được đồng chí Bí thư Thị ủy giáo dục, rèn luyện tính thận trọng khi đột vào nội ô hoặc các ấp chiến lược. Đồng chí Ba Lễ nói với đồng đội:

Đảng yêu cầu các chú làm sao đêm nay vào được ấp chiến lược, xây dựng cơ sở, nhận đồ tiếp tế. Đảng có yêu cầu đúng 7 giờ tối các chú phải có mặt trong đó đâu? Lúc đó địch đang thức, chúng giăng bẫy phục kích, hăng hái vào sớm để tỏ ra tích cực, dứt đầu vào chỗ chết, liệu các chú có hoàn thành

nhiệm vụ không?...

Do đó anh Tư Răng rất thận trọng trong mọi công tác, chậm mà chắc; có anh em trẻ không hiểu ngầm chê anh *phón*⁽²⁾. Ngày 23/9/1966 (9 tháng 8 năm Bính Ngọ), địch càn vào căn cứ ta. Chiều hôm đó, địch rút, anh em trở về. Khi đun nước uống, anh Tư Răng hy sinh vì một trái mìn do một tên phản bội gài.

Mẹ Hồ Thị Tỏ vô cùng đau xót khi nghe tin con trai hy sinh. Mẹ cố nén lòng tiếp tục tham gia công tác cơ sở. Mẹ làm một cái chòi nhỏ tại ấp Bình Quan để ở, tiện việc móc nối với anh em cán bộ, du kích. Đầu năm 1969, mẹ đồng ý để một nhóm bốn chiến sĩ đặc công thủy đào hầm sát chòi. Thương anh em như con ruột, mẹ tham gia nguy trang nắp hầm mỗi sáng sớm. Anh em yêu cầu giúp đỡ gì, mẹ sẵn sàng. Con dâu và các cháu nội muốn mẹ về Bình Kính ở, song mẹ không nỡ xa các con bộ đội. Do tên Tô Hoàng Thắng ra chiêu hời, địch bao vây tiêu diệt Đội biệt động tỉnh Biên Hòa ngày 26/4/1969. Chín chiến sĩ hy sinh anh dũng, số còn lại bị thương và sa vào tay địch. Mẹ Tỏ xót thương số bị hy sinh và số bị bắt trong chiến đấu với thương tích đầy mình.

Mẹ Hồ Thị Tỏ thọ 85 tuổi, được nhân dân, cán bộ địa phương kính trọng vì mẹ là người có công, được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến và được hưởng mọi chế độ chính sách của Nhà nước. Mẹ đóng góp một phần công lao nhỏ bé cho Cù Lao Phố trở thành Đơn vị Anh hùng. Mẹ Hồ Thị Tỏ được Nhà nước truy tặng danh hiệu vẻ vang Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KTCTN ngày 27/8/1995. Năm 2000, mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba.

(2) *Phón*: ý nói nhút nhát.



Hoàng Thị Mến (1913 - 1977)

Mẹ Hoàng Thị Mến sinh năm 1913 tại một làng quê chiêm trũng thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam cũ. Mong thoát cảnh đói nghèo triền miên của vùng chiêm khô mùa thôi, giữa thập niên 30, mẹ vào miền Nam buôn bán nhỏ. Trôi dạt tới đất Lộc Ninh (tỉnh Bình Dương), mẹ lập gia đình với ông Nguyễn Văn Phàn - cũng gốc dân Bắc - làm phu công tra (contrat) đồn điền cao su. Cách mạng tháng Tám 1945, ông tham gia Thanh niên Tiền phong, nổi dậy cướp chính quyền tại đó. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, công nhân các đồn điền chặt phá cao su, đốt nhà chế biến mủ, góp phần phá hoại kinh tế địch. Sau đó, nhiều gia đình công nhân bỏ sở, đi làm nghề khác. Gia đình mẹ Mến là một trong số những gia đình ấy. Hai ông bà dắt díu đàn con nhỏ xuống làm ruộng ở xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Hòa mình với người dân địa phương, ông tham gia mọi công tác rất hăng hái và được kết nạp Đảng thời Chín năm chống Pháp.

Sau Hiệp định Genève tháng 7/1954, đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chiến lược “tổ cộng diệt cộng” (còn gọi là chiến lược chiến tranh một phía), ra sức khủng bố, bắt bớ những cán bộ kháng chiến và người yêu nước cũ. Long An là một trong các địa phương mà địch ráo riết bình định hòng dập tắt phong trào đấu tranh sôi nổi của nhân dân. Ông Nguyễn Văn Phàn là cán bộ nằm vùng, được gia đình và bà con nuôi giấu nên không hề hấn gì. Mẹ Hoàng

Thị Mến ở trong hội Phụ nữ Giải phóng tham gia các cuộc đấu tranh chính trị sôi nổi của đội quân tóc dài, nuôi giấu, tiếp tế cho anh em du kích, cán bộ địa phương...

Sau phong trào Đồng khởi Bến Tre⁽¹⁾, tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 được triển khai khắp nơi. Anh Nguyễn Văn Sửu (Ba Sửu) vào đội du kích xã tháng 2/1962. Hơn một năm sau, tháng 4/1963, anh Nguyễn Văn Định (Hai Định) đi thoát ly, làm công nhân rồi tổ trưởng in ấn của Ban Tuyên huấn tỉnh Long An. Có lúc cơ quan anh ở nhà mẹ một thời gian dài. Mẹ ra sức làm lụng để nuôi chồng và hai con tham gia công tác cùng đàn con nhỏ, đóng góp một phần nhỏ vào phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương.

Long An nổi tiếng trung dũng kiên cường, lại ở sát nách Sài Gòn khiến kẻ địch ra sức càn quét bình định hòng giữ yên cho cái “thủ đô Việt Nam Cộng hòa” của chúng. Đội du kích Mỹ Thạnh Đông chống càn nhiều trận, đánh tàu giặc chạy trên sông Vàm Cỏ. Ngày 28/3/1967 (tháng 2 năm Đinh Mùi), trong một trận phục kích ở bên sông đánh tàu, anh Nguyễn Văn Sửu hy sinh với vũ khí trong tay. Mẹ Mến rất đau đớn vì mất mát to lớn này, mẹ đã cùng các con và đồng đội của anh tiến hành chôn cất ngay trên thửa đất của nhà. (Nhưng trải qua nhiều biến thiên, nay đã mất dấu, không tìm thấy hài cốt).

Ba tháng sau, mẹ lại nhận tin xé lòng thứ hai. Chồng mẹ - ông Nguyễn Văn Phàn, chi ủy viên, Phó ban Nông hội xã - trong lúc đi vận động bà con đóng góp, bị trúng bom giặc chiều ngày 16/6/1967 (9 tháng 5 năm Đinh Mùi). Ông bị thương nặng, bà con và gia đình đưa vào trạm y tế ở Đức Hòa nhưng ông không qua khỏi, chết ngay đêm đó. Lúc này phải

(1) Tháng 1/1960.

chạy giặc, mẹ rất túng tiền, may được chủ trại hòm tốt bụng chỉ lấy nửa tiền nên thi hài ông không đến nổi phải bó chiếu (sau này gia đình đi tìm mộ, cũng không thấy).

Lánh bom đạn giặc, mẹ Mến lên ở ấp Bình Đa (nay là phường An Bình) sinh sống cùng mấy con nhỏ. Sau các đợt bình định liên tiếp các năm 1968, 1969, cơ quan nhà máy in Phan Văn Mảng của Long An ở huyện Tân Uyên tạm lánh sang Xvay Riêng đất bạn. Cuối tháng 11/1970, anh Hai Định cùng một số đồng chí trong cơ quan được cử về nơi cất giấu chữ chì ở Tân Biên. Các anh bị địch phục kích, anh Hai Định (Nguyễn Văn Định) hy sinh ngày 26/11/1970. Mãi sau này, mẹ Mến mới biết tin xé ruột đó. (Gia đình dò hỏi, song chưa tìm thấy mộ).

Ngày 30/4/1975, là ngày hội thống nhất đất nước của cả dân tộc ta sau ba mươi năm chịu đựng và vượt qua vô vàn hy sinh, gian khổ. Biết bao gia đình rơi nước mắt khi vui mừng đón các con trở về sau ngày chiến thắng. Nhưng cũng biết bao người mẹ như mẹ Hoàng Thị Mến thương khóc khôn nguôi vì chồng và các con vĩnh viễn không được đoàn tụ cùng gia đình. Mẹ qua đời năm 1977, chưa kịp hưởng chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhưng Tổ quốc không quên công lao đóng góp của mẹ, Nhà nước truy tặng mẹ danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17-12-1994. Mẹ và gia đình cũng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba vào năm 2000.



Huỳnh Thị Khương (1910)

Má Huỳnh Thị Khương, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thật bình dị, nhân hậu. Ở tuổi 85, má vẫn còn tinh táo nhớ lại những kỷ niệm một thời đã khắc sâu trong trái tim của một người vợ, một người mẹ, một chiến sĩ cộng sản kiên trung.

50 năm trước, chị Bảy Liên (tên thường gọi của má) ở xã Bình Mỹ, huyện Tân Uyên, Bình Dương đã cùng chồng con và bà con cô bác đứng lên giành chính quyền, ngọn cờ đỏ sao vàng năm cánh phấp phất tung bay trước gió luôn là hình ảnh đẹp, sống động, thôi thúc chị sôi nổi, khẩn trương trong mọi hoạt động xây dựng chính quyền, xây dựng lực lượng chính trị. Chị đã được cấp trên tin tưởng phân công làm chủ tịch Hội Phụ nữ xã đầu tiên ở quê hương. Nhưng chẳng bao lâu, bọn thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã quay lại. Xã Bình Mỹ cùng với cả miền Đông bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Chị Bảy Liên, chủ tịch Hội Phụ nữ xã ngày đêm đi vận động thanh niên tòng quân, thành lập Hội mẹ, chị chiến sĩ để tiếp tế, nuôi quân.

Năm 1947, trong một trận ruồng bỏ có bàn tay chỉ điểm của bọn Việt gian, chồng má (Đoàn Văn Trạch), con (Đoàn Văn Sửu) và cả má Huỳnh Thị Khương đã bị chúng bắt ngay tại nhà. Đó là một ngày đêm máu lửa, đầy đau thương tang tóc mà má không bao giờ quên.

Chúng trói hai cha con. Một đứa tóm lấy ngực Đoàn Văn Sửu, năm ấy mới 18 tuổi - đẩy ra phía trước rồi chúng thay nhau đâm đá, tra hỏi nơi cất giữ tài liệu, hầm bí mật. Sửu một mực trả lời: chôn trâu ngoài đồng, không biết. Tức thì thẳng

Tây lông lá đầy mình trợn mắt, thét to và nổ súng. Đoàn Văn Sửu ngã vật ra, một bên đùi tứa máu. Lúc đó, mặt mũi má tôi sầm lại, hai tay ôm lấy đầu gào khóc, nhưng lòng má thảm nhủ: Con ơi, con chớ có khai, chết cả làng mất. Thằng thông ngôn và thằng Tây cứ đi quanh Sửu gào thét: có khai không? Tài liệu, hầm ở đâu? Nhưng chúng chỉ nhận được cái lắc đầu. Thế rồi thằng Tây đã dí súng vào mang tai Sửu bóp cò. Hôm đó là ngày 23/5/1947, tức ngày 4 tháng tư Đinh Hợi.

Còn ông Đoàn Văn Trạch, khi ấy là Bí thư thanh niên kiêm Chủ nhiệm Việt Minh bị chúng giải về bót Phước Hòa. Lo chôn cất cho con xong, má lại lo chạy cho chồng. Việc chưa xong, thì má hay tin chúng đã giết ông rất dã man.

Bọn địch lột trần, trói quặt ông ở cột đèn, cứ một lần tra hỏi, chúng lại dí đầu thuốc vào ngực. Một lần lặp lại, bất ngờ tên chắm thuốc bị ông đá trúng háng, hấn ngã vật ra, chết xiu. Những tên khác trói chân ông lại rồi thay nhau dùng lê rạch ngực. Máu tuôn ra, chúng tạt nước cho trôi đi, lại rạch tiếp. Đây ải ba ngày, không khai thác được gì, chúng gài trái quanh người ông rồi cho nổ banh xác ngoài sông.

Liệt sĩ Đoàn Văn Trạch đã chiến đấu và hy sinh cực kỳ oanh liệt.

Sau cái tang lớn của gia đình, má chỉ còn có lời thề trọn kiếp sống mái với quân thù. Mặc cho giặc càn quét, cướp của, giết người, đánh phá cơ sở kháng chiến, má vẫn kiên định bám trụ hoạt động và đã trở thành người nữ đảng viên ở quê hương. Hiệp định Genève được ký kết, má được cấp trên phân công ở lại, giao nhiệm vụ làm Bí thư Chi bộ xã Bình Mỹ. Cùng với các đồng chí trong cấp ủy, má đi tuyên truyền giải thích cho nhân dân hiểu rõ âm mưu chia cắt đất nước của bè lũ Mỹ Diệm, tổ chức các cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève. Họ Ngô thẳng tay diệt Cộng. Má tạm lui

về Sài Gòn. Sau vụ thảm sát Phú Lợi⁽¹⁾, má được anh Chín Lê điều về làm Bí thư Chi bộ Phú Lợi. Đây là thời kỳ hoạt động bí mật đầy cam go thử thách. Khi nhận nhiệm vụ Chủ tịch Hội Phụ nữ phân khu 5, má cùng với các đồng chí của mình xây dựng cơ sở, lực lượng chính trị trên địa bàn và trong giới phụ nữ nhằm tạo cơ sở cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Năm 1970, Đảng điều má sang làm quân báo, phụ trách T1, đi sâu vào lòng địch, hoạt động ngay trong sào huyệt của các đơn vị địch.

Con trai thứ của má - anh Đoàn Văn Sỹ, hy sinh năm 1972, trong một trận điều nghiên bót Bình Mỹ. Anh em kể lại, anh Sỹ bị thương, không rút ra được, phải nằm lại. Khi địch tới thì anh rút súng tự sát đúng như lời anh thường nói với đồng đội: nếu bị thương, phải nằm lại thì nhất định tự sát chứ nhất quyết không chịu để lọt vào tay giặc. Nói sao làm vậy, má biết tính gan lì, quả cảm của con ngay từ hồi còn nhỏ. Ngày anh Sỹ mất là ngày 23/2/1972, nhằm ngày 9 tháng giêng Nhâm Tý. Lúc đó má ở Biên Hòa, hay tin con chết chỉ còn biết cắn răng chịu đựng, ruột gan cứ như bị đứt ra từng khúc. Điều duy nhất an ủi là hài cốt anh Sỹ được chị và bà con cô bác quê hương lo chôn cất chu toàn. Và sau năm 1975, má đã đưa hài cốt anh về an nghỉ ở nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Nai.

Năm 1985, má và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba.

Má Huỳnh Thị Khương được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.

(1) Năm 1958



Lê Thị Khánh (1903 - ?)

Mẹ Lê Thị Khánh (Năm Khánh) sinh đầu thế kỷ 20 tại làng Mỹ Khánh (nay thuộc phường Bửu Hòa, TP.Biên Hòa). Trước Cách mạng tháng Tám 1945, ông Châu Văn Kéo (Hai Kéo) - chồng mẹ - là thầy giáo dạy Trường Mỹ nghệ Biên Hòa. Vì vậy, cuộc sống của gia đình công chức này tương đối sung túc, mẹ chỉ lo việc nội trợ. Năm 1944, ông tham gia nhóm trung kiên do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (Xước) tổ chức.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ba người con trai đầu của mẹ Năm Khánh đã khá lớn, các anh đều vào dân quân du kích xã. Mẹ Năm tham gia quyên góp gạo, tiền... nuôi đội dân quân du kích hàng ngày tập luyện quân sự. Khi quân Pháp trở lại chiếm Biên Hòa, ông Hai và mẹ vui vẻ tiễn đưa hai anh: Châu Ngọc Hạnh (Năm Hạnh) và Châu Ngọc Thông (Sáu Thông) gia nhập bộ đội.

Anh Châu Ngọc Đức (Tư Đức) đi học lớp huấn luyện quân chính ở sở Tiêu (Đất Cuốc, Tân Uyên) rồi về chỉ huy du kích xã Bửu Hòa; sau đó làm Trưởng quận quân sự 5 phụ trách mấy xã của quận Châu Thành ở hữu ngạn sông Đồng Nai. Anh từng chỉ huy du kích Bửu Hòa phối hợp với du kích Cù Lao Phố đánh bắt sếp Phận ở xã Hiệp Hòa sau tết Bính Tuất (1946). Thực hiện chủ trương diệt tề trừ gian, anh cùng đồng đội từ căn cứ An Phú xã (nay thuộc Sông Bé) về bắt số hương chức cũ lăm le nhảy ra làm tề cho giặc.

Giữa năm 1947, ông Hai Kéo qua đời, địch lại khủng bố

các gia đình có người đi kháng chiến, nên mẹ Năm đưa các con nhỏ lánh về Sài Gòn sinh sống. Mẹ được một số cơ quan, đơn vị móc nối yêu cầu tham gia công tác tiếp liệu (nay gọi là hậu cần) mua thuốc men, dụng cụ, đồ dùng văn phòng... có người tới tận nơi ở mang đi. Để có vốn buôn bán và làm tiếp liệu, mẹ phải vay nặng lãi. Không phải lúc nào tiền từ chiến khu gửi về cũng đúng hẹn; nhiều khi mẹ phải ứng trước rồi lấy tiền sau. Thương ba con vào sông ra chết, mẹ móc nối với du kích, đi thăm Tư Đức, Năm Hạnh, Sáu Thông, tiếp tế cho các con và đồng đội.

Từ năm 1949, địch đóng tua bót dày đặc trên đất Biên Hòa nên mẹ ít có điều kiện thăm con như trước. Gần tết Canh Dần (1950), mẹ gặp anh Tư Đức, thấy vẻ mặt con hơi khác, gắng hỏi thì mới biết Sáu Thông (Châu Ngọc Thông) hy sinh ngày 14/12/1949 (25 tháng 10 năm Kỷ Sửu) trong trận chống càn ở xã Tân Phong. Mẹ vô cùng đau xót, chỉ hai năm đã mất hai người ruột thịt: chồng và con.

Mẹ Năm Khánh vay nợ ở Sài Gòn phục vụ kháng chiến và nuôi các con. Vì lãi nặng, chủ nợ đến đòi không có trả, mẹ phải bỏ về Bửu Hòa sinh sống. Năm 1951, anh Tư Đức được cử làm đoàn trưởng Đoàn vũ trang tuyên truyền số 4 thị xã Biên Hòa. Anh liên tục ra vô nội ô công tác và chiến đấu. Anh cùng đồng đội diệt một xe chở đầy sĩ quan kỹ thuật không quân Pháp ở dốc Chú Hỏa (chân núi Châu Thới)... Trưa ngày 7/12/1951 (9 tháng 11 năm Tân Mão), lính Cao Đài ở tổng hành dinh Bửu Hòa phát hiện một nhóm vũ trang tuyên truyền của ta ở rừng Nhíp Hồ Ngựa (Hóa An). Hai bên chạm súng, anh Tư Đức hy sinh. Địch chở xác anh để trước cửa Trường Tiểu học Bửu Hòa nhằm hù dọa nhân dân. Bàng hoàng, đau xót vô hạn nhưng mẹ Năm Khánh cố nén nước mắt, lo chôn

cất cho con. Đám tang lèo tèo ít người vì họ hàng và người thân quen muốn tránh địch khủng bố, bắt bớ. Em gái út đi đầu bùng lư hương, theo sau quan tài là mẹ Năm, em gái thứ tám và mấy bà con khác. Vài tiếng khóc thê thảm chìm trong cảnh chợ búa, xe cộ ồn ào.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, anh Năm Hạnh đi tập kết. Thi thoảng mẹ nhắc đến với niềm nhớ thương vơi vơi. Hơn hai mươi năm trôi qua, ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, mẹ đứng ven đường đón mừng đoàn quân chiến thắng trở về. Mãi hai năm sau, gặng hỏi đồng đội của Năm Hạnh, mẹ lại đón nhận tin dữ: Năm Hạnh (Châu Ngọc Hạnh) - cán bộ tham mưu Tỉnh đội Lâm Đồng hy sinh ngày 30/7/1967 (23 tháng 6 năm Đinh Mùi) vì voi chà trên đường công tác. Tổ của anh đụng đàn voi rừng, anh ở lại bắn cản cho đồng đội thoát hiểm, khi hết đạn, đàn voi xông tới...

Mẹ Năm Khánh đã được hưởng vinh dự: nhận Huân chương Độc lập, Huân chương Kháng chiến, được bà con địa phương và cán bộ các cấp tỉnh, thành phố, phường kính trọng. Mẹ được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Lê Thị Lầu **(1922 - 2000)**

Mẹ Lê Thị Lầu sinh năm 1924 và lớn lên ở một làng quê nghèo của nông thôn Nam bộ nhưng giàu truyền thống cách mạng - xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Cả hai người cha ruột và cha chồng đều là những chiến sĩ cách mạng, hy sinh vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Truyền thống quê hương và gia đình đã sớm hun đúc ở người phụ nữ Nam Bộ bình dị này một tình cảm lớn đối với cách mạng và một sự hy sinh cao cả vì cách mạng.

Năm 1954, tiễn chồng tập kết ra Bắc, mẹ ở nhà tần tảo nuôi hai con là Nguyễn Văn Ứng (sinh năm 1943) và Nguyễn Văn Hồng (sinh năm 1946). Mẹ cứ nghĩ hai năm sau chồng mình trở về, nào ngờ 21 năm trời đằng đẵng cách xa. Và trong những năm tháng ấy, mẹ đã sống với bao nỗi đau chung của dân tộc và nỗi đau riêng của gia đình.

Mỹ - Diệm tiến hành những đợt khủng bố, đàn áp cách mạng miền Nam, mẹ cũng như bao người có người thân đi làm cách mạng, trở thành đối tượng đặc biệt bị chúng theo dõi, o ép. Máy chém của chúng lê đi khắp miền Nam, nhưng phong trào cách mạng vẫn luôn phát triển, lớn mạnh với khí thế sục sôi. Mẹ Lầu là cơ sở và căn nhà của mẹ là nơi nuôi giấu nhiều cán bộ cách mạng. Mẹ tham gia công tác phụ nữ, làm công tác binh vận, tuyên truyền vận động bà con đứng lên đấu tranh diệt ác, phá kềm. Mẹ là người luôn có mặt và tiên phong trong đội quân “tóc dài” của phong trào Đồng khởi Bến Tre. Nhiều lần bị địch bắt, đánh

đập, khảo tra là bao lần đối diện với cái chết nhưng mẹ vẫn luôn giữ được một lòng kiên trung với cách mạng.

Hai người con lớn lên, mẹ lần lượt bố trí cho tham gia Quân Giải phóng miền Nam. Mỗi lần tiễn con đi là lòng mẹ giằng xé, nhưng mẹ cố nén để động viên con mình. Ngày ngày, mẹ dõi theo tin tức chiến trường, trông mong tin con canh cánh trong lòng. Nhưng rồi trong cùng một năm (năm 1969), hai người con của mẹ lần lượt ngã xuống. Nguyễn Văn Ứng hy sinh tháng 1/1969 tại xã nhà. Còn Nguyễn Văn Hồng đơn vị báo hy sinh tháng 9/1969 nhưng ở đâu mẹ chẳng biết được. Hai người con mất đi là nỗi đau lớn của đời mẹ, nhưng cao đẹp thay, mẹ vẫn hăng hái với nhiệm vụ mà cách mạng giao cho đến ngày cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc giành được thắng lợi trọn vẹn.

Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, mẹ vui chung với niềm vui của cả dân tộc, nhưng nỗi buồn là trong đoàn quân chiến thắng trở về mãi mãi không có hai người con của mẹ. Niềm an ủi còn lại là gặp mặt người chồng sau bao nhiêu năm cách xa. Năm 1978, từ miền Bắc trở về, chồng mẹ công tác ở một nhà máy thuộc Khu công nghiệp Biên Hòa, ông đã đón mẹ lên chung sống. Tuy nhiên, đó lại là những năm gian khổ, khó khăn của đất nước, cho nên, mẹ cũng đã phải sống những tháng ngày chật vật, thiếu thốn. Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1987. Biên Hòa là quê mới, mẹ cũng chẳng kể công, cũng vì vậy mà địa phương không hề biết để có chính sách quan tâm, đãi ngộ đối với mẹ. Chỉ những năm gần đây, và đặc biệt từ khi được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày

17/12/1994, cuộc sống của mẹ mới thấy được an nhàn đôi chút. Hiện mẹ sống với chồng - đã nghỉ hưu - trong cư xá công nhân thuộc phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Tuổi già, không còn con cái, mẹ thường hay buồn, mỗi lần gợi nhớ, mẹ thường hay khóc...

Cứ nghĩ về đời mẹ, cũng như bao bà mẹ Việt Nam anh hùng, mới thấy cái giá của độc lập, tự do của Tổ quốc hôm nay. Sự hy sinh và những nỗi đau của mẹ quả là chẳng thể nào bù đắp.

Mẹ Lê Thị Lâu qua đời năm 2000 tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa.



Lê Thị Mùi (1904 - 2003)

Mãi đến lần thứ tư chúng tôi mới tìm gặp được mẹ. Mẹ vừa đi xa mới về. Căn nhà của mẹ là một trong những ngôi nhà tình nghĩa đầu tiên ở Đồng Nai. Nó như trăm hần xuống so với bao ngôi nhà khác trong cùng con hẻm ở phường Tân Tiến, TP.Biên Hòa.

Nghe cháu nội, ngoại nói “người Nhà nước đến”, mẹ hồ hởi ngồi dậy, rồi gọi chúng tôi đến chiếc phản mà mẹ nằm nghỉ. Biết được ý định tìm gặp, mẹ cười rồi kể chuyện về quê của mình. Quê mẹ ở làng Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vừa rồi về quê, mẹ được mấy “ông nhà nước” đến quay phim, chụp hình nhiều lắm. Nghe đâu, mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Chúng tôi báo tin cho mẹ sẽ được vinh dự đó, mẹ cười, mắt mẹ sáng lên. Rồi bỗng nhiên, đôi mắt mẹ hướng về bàn thờ, những giọt lệ lại ứa ra. Chồng mẹ, con mẹ đang ở đó. Họ hiện hữu bằng những tấm hình, với ánh mắt đang dõi nhìn, sống với mẹ bao năm tháng qua.

Mẹ Lê Thị Mùi sinh năm 1904, có 4 người con là liệt sĩ. Khi cho con đi làm cách mạng, mẹ chỉ muốn con mình đi theo con đường đúng đắn, biết đánh đuổi kẻ thù, để sống trên quê hương được ngẩng đầu, được sống tự do. Tất cả mười người con, cả trai lẫn gái đều tham gia cách mạng, mẹ và chồng là ông Nguyễn Cách ở nhà là cơ sở nuôi giấu cách mạng. Trong khu vườn nhà mẹ, những căn hầm bí mật từng nuôi giấu nhiều cán bộ chiến sĩ. Những lần tổ chức họp, mẹ phải canh gác,

các con mẹ phải thay phiên nhau cống các cán bộ chiến sĩ để không lộ dấu vết. Bọn giặc đã nhiều lần nghi ngờ, phục kích nhưng không phát hiện được. Bao lần nhà mẹ bị đốt phá, bao lần mẹ bị bắt, bị tra tấn vì “cái tội” làm cách mạng, cho con theo cách mạng nhưng mẹ vẫn không hề nao núng.

Những năm cuối của thập niên 60, quê mẹ bị địch đánh phá dữ dội. Đế quốc Mỹ đổ quân ào ạt, càn quét, truy lùng gắt gao nhằm tiêu diệt, ngăn chặn phong trào cách mạng. Gia đình mẹ đón nhận không biết bao đau thương chồng chất. Năm 1966, con mẹ, anh Nguyễn Xuân Việt hy sinh; năm 1967 Nguyễn Cường (tự Đô) đang làm nhiệm vụ bị máy bay địch oanh tạc, anh hy sinh không toàn vẹn xác. Năm 1969, anh Nguyễn Kiểm làm ở Nông hội xã vận động, thu gom gạo cho cách mạng bị địch vây bắt, chúng đánh đập dã man anh cho đến chết. Năm 1968, ngoài cái tang của người con thứ 10 là Nguyễn Tiến Hưng, hy sinh khi đang chiến đấu với chức vụ Tiểu đội trưởng trong lực lượng vũ trang Quân khu 4, mẹ còn phải chứng kiến chồng mình ngã xuống trước họng súng quân thù trong một cuộc chống càn. Bốn năm liên tiếp, bốn đứa con và chồng hy sinh. Tưởng chừng thời gian ấy, mẹ quy xuống, chết đi để mà đỡ đau đớn hơn, nhưng mẹ đã gượng dậy đi nốt quãng đời còn lại.

Khi vợ chồng anh Kiểm hy sinh để lại chị Cang mới ba tháng tuổi. Thế là mẹ phải gánh vác thêm phần việc nuôi cháu. Có những lúc bà bị bắt đi ở tù, cháu nội cũng phải vào theo vì ở nhà có ai đâu nuôi nấng.

Khi nói về những đứa con, lúc thì mẹ say sưa kể, rồi có lúc mẹ khóc, mẹ lại nhìn họ qua làn khói của nhang trên bàn thờ. Ngày đêm, mẹ thắp nhang cho chồng, cho con để tất cả được ở gần mẹ. Mười người con, tất cả tham gia cách mạng nay

chỉ còn năm, mà năm người còn lại cũng đâu toàn vẹn do bị địch bắt bớ tra tấn. Nhưng, mẹ còn an ủi, còn gặp được những người con mình còn sống, chứ “thằng Cường, thằng Việt, nó chết ở đâu, nằm ở đâu” mẹ không hề biết.

Giờ đây, mẹ đang sống với người cháu nội của mình- đứa cháu mẹ cưng nhất vì nó mát mát quá nhiều khi ba má hy sinh, sống với mẹ trong những ngày gian khổ, tù đày. Trong căn nhà tình nghĩa, mẹ an dưỡng tuổi già của mình trong sự quan tâm, chăm sóc của chính quyền, con cháu. Chiến tranh đã qua, dù nổi đau mát mát quá nhiều, song quê hương được hòa bình, thống nhất, được sống trong tự do là mẹ mừng. Mẹ tự hào vì các con mình đã góp công sức vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, truyền thống yêu nước ấy vẫn được con cháu mẹ ngày nay tiếp bước, noi theo.

Mẹ Lê Thị Mùi được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.

Mẹ qua đời năm 2003 tại phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa.



Lê Thị Năm (1917)

Má Lê Thị Năm, thường gọi là bà Năm, sinh năm 1917 tại xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong một gia đình nông dân nghèo có truyền thống cách mạng. Mạnh đất quê hương mà trong những năm chiến tranh là căn cứ cách mạng với những địa danh nổi tiếng như: Rừng Bàu Hàm, núi Sóc Lu... Ngày 6/11/1978, quê hương Hưng Lộc của má vinh dự được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Một buổi sáng mùa hè, khi tiếng ve kêu inh ỏi trên những nhánh phượng trở bông đỏ ối hai bên đường, chúng tôi tới căn nhà số 30A, khu phố 5, phường Tam Hiệp, TP.Biên Hòa thăm má Năm - người mẹ được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.

Thấy người lạ vào nhà, má ngỡ ngàng, nhưng khi biết mục đích của chuyến viếng thăm, má nở nụ cười thật tươi rồi nói: “Tôi mà anh hùng cái gì! Đất nước này còn nhiều bà mẹ anh hùng hơn tôi!” Câu nói thật mộc mạc nhưng chứa đựng cả một tấm lòng của một người mẹ, đã cống hiến cuộc đời của mình và ba đứa con trai cho quê hương đất nước mà vẫn thấy nhỏ nhoi. Xin phép má, chúng tôi thắp ba nén nhang trên bàn thờ để tưởng nhớ về những liệt sĩ anh hùng. Má nhìn lên bàn thờ như cố tìm lại hình ảnh những đứa con thân yêu ruột thịt của mình. Má mới cười đầy thoải mái, vậy mà khi thấy chúng tôi mặc niệm trước bàn thờ thì nơi khóe mắt, những giọt nước

mất cú lặn dài. Chúng tôi hiểu má đang thương nhớ các con.

Má Năm lấy chồng từ năm 19 tuổi, ông để lại cho má bốn người con là Lê Văn Khuê (còn gọi là Huê) sinh năm 1938; Lê Văn Khiêm sinh năm 1940, Lê Văn Khái sinh năm 1942 và Lê Thị Mọ sinh năm 1944, rồi ông ra đi vĩnh viễn do mắc căn bệnh hiểm nghèo. Một nách bốn con thơ, má sống trong cảnh bần hàn, đói khát. Ít năm sau, má đi thêm bước nữa với một cán bộ cách mạng.

Được sự dìu dắt của chồng và các cơ sở tại địa phương, năm 1962, má Năm tham gia hoạt động cách mạng, làm công tác phong trào. Động viên con em trong địa phương lên đường nhập ngũ, vận động bà con trong xã đóng góp tiền của nuôi quân. Má được cấp trên giao nhiệm vụ làm giao liên, nhận và chuyển tin đi các xã trong huyện và vào căn cứ, phụ trách phong trào phụ nữ, rải truyền đơn kêu gọi binh lính đảo ngũ. Má xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong xã, huyện như: quán cơm Hưng Long, nhà may Tinh Hoa, nhà may Bích Thủy... Vận động được nhiều gia đình có con, em, chồng đi lính cho địch đảo ngũ hoặc làm nội tuyến cho cách mạng. Với tài giáo dục khéo léo, má đã giác ngộ được ông Sáu Bình (tức Chín Bình Dương) là cha ruột của trưởng đồn Mến tại xã Hưng Lộc, bà Ba Bi vợ lính, Đức lùn - trung đội trưởng trung đội bảo an, Ba Chay - trưởng ấp, trung sĩ Mến... chấp nhận làm nội tuyến, cung cấp tin tức cho cách mạng. Việc làm của má đã giúp cho việc chuyển tin tức đi các xã trong huyện và vào căn cứ dễ dàng. Má được bà con tin yêu, cấp trên tin nhiệm.

Bà Trần Thị Thương (Hai Diễm) - nguyên là Phó Bí thư chi bộ B (hoạt động trong lòng địch) - đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, người trực tiếp giao nhiệm vụ và cùng ở tù với má Năm, nhận xét về má: “Được giao nhiệm vụ dù khó khăn đến

mấy, bà Năm cũng hoàn thành. Bà có tính gan lì, thẳng thắn, không sợ hy sinh, chỉ mong làm được nhiều việc cho cách mạng... Chúng tôi tin tưởng tuyệt đối về bà...”

Khi được hỏi các con má tự nguyện lên đường nhập ngũ hay do gia đình giáo dục, động viên? Má có bị địch bắt tra tấn lần nào không? Má Năm đưa mắt nhìn lên ba tấm bằng Tổ quốc ghi công được xếp ngay ngắn trên bàn thờ và nhìn xuống chân trái đã bị liệt của mình, rồi nhìn vào khoảng không trước mặt để cố nhớ lại những kỷ niệm vui buồn của má và các con trong thời kỳ hoạt động cách mạng đã qua.

Má có ba người con trai thì chỉ có người con cả Lê Huê là đã lập gia đình. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, được sự động viên của gia đình, năm 1965, Lê Khiêm lên đường nhập ngũ. Anh là chiến sĩ Huyện đội Xuân Lộc. Tháng 9/1967, trong một lần cùng đơn vị vô Bảo Chánh tải gạo, anh bị địch phục kích và đã anh dũng hy sinh trong độ tuổi thanh xuân. Khi hay tin anh mình bị địch giết, Lê Khái - đứa em út rất uất hận nên chỉ ít ngày sau anh đã lên đường chiến đấu để trả thù cho người anh thân yêu của mình. Lê Khái là chiến sĩ bảo vệ - cơ quan Tỉnh ủy Biên Hoà (cũ). Lê Khái thông minh, nhanh nhẹn, được đồng đội tin yêu, cấp trên tín nhiệm. Đầu năm 1972, chỉ trước ngày cưới vợ một ngày, trong khi làm nhiệm vụ anh đã lấy thân mình che đạn cho đoàn cán bộ và đã anh dũng hy sinh tại Gia Kiệm.

Tiếp bước cha và các em, noi gương người mẹ anh hùng, Lê Huê - người con trai còn lại duy nhất của gia đình, năm 1968 cũng xung phong lên đường nhập ngũ. Anh là cán bộ công an huyện Thống Nhất. Tháng 5/1975, trong khi làm nhiệm vụ thu gom chiến trường anh đã vướng mìn và hy sinh.

Kể đến đây, má Năm kéo vạt áo lau những giọt nước mắt

đang lẫn dài trên hai gò má nhăn nheo. Uống hết ly nước lạnh để nén cơn xúc động đang trào dâng trong lòng, mà rung rung kể tiếp: Gia đình là một trong những kho chứa lương thực của cách mạng. Vậy mà gia đình má thường phải nhịn ăn trưa để dành gạo nuôi quân. Năm 1969, má bị địch bắt giam ở Trảng Bom, về “tội” gia đình có con đi bộ đội. Địch tra tấn má bằng đủ kiểu, nhưng không có đủ chứng cứ đành phải thả má ra trong nỗi tức tối. Vừa được tha, má lại tiếp tế lương thực cho bộ đội, rải truyền đơn kêu gọi binh lính đảo ngũ. Ngày 6/7/1972, bộ đội về đánh ở Hưng Lộc quyết liệt. Để trả thù, địch bắt giam những gia đình mà chúng nghi ngờ có liên lạc với cách mạng và có con em đi bộ đội. Má cũng bị địch bắt giam ở Ty cảnh sát Long Khánh cùng với nhiều cơ sở cách mạng khác. Tại đây, địch tra tấn má bằng những đòn roi dã man, chúng dùng cả điện để khảo tra, nhưng trước sau, má vẫn một mực trả lời: “Không biết”. Má nhớ như in một lần, sau khi tra tấn má bằng điện đến ngất xỉu và liệt bên chân trái, vừa tỉnh dậy, tên hỏi cung nói với má:

- Đây là bản khai của những người cùng tham gia hoạt động với bà. Họ khai, bà thường đem đường, gạo, sữa, cà phê vào rừng tiếp tế cho bộ đội.

Má thừa biết đây là đòn tâm lý của địch nên tỉnh táo trả lời:

- Người ta ghét tôi nên khai bậy cho tôi, chứ tôi không tiếp tế cho ai và cũng không biết bộ đội là gì!

- Thế mấy hôm nay, con bà về giết chúng tôi, bà không biết sao?

Má Năm nhìn thẳng vào mặt tên hỏi cung trả lời:

- Một mình con tôi thì làm sao giết nổi các ông.

Nghe má Năm trả lời cứng cỏi, tên hỏi cung bèn xuống giọng:

- Bây giờ chỉ cần bà khai: con bà cao hay thấp? Da trắng hay đen, tóc dài hay ngắn, mắt có lé không? Răng có rụng cái nào không? Bà nói đi, tôi sẽ thả bà về liền.

Má cười:

- Cảm ơn thầy, con tôi có nước da và tướng tá giống hệt như thầy!

Tên hỏi cung nghe vậy tức muốn hộc máu.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cứ mỗi độ xuân về, má lại lê đôi chân tật nguyền đến với các con trong nghĩa trang liệt sĩ huyện. Má nhỏ cỏ, thấp nhang, khăn vái và ngồi bất động bên mộ hàng giờ. Đó là những giờ phút thiêng liêng nhất má đã được cùng ngồi tâm sự với các con.

Nguyện vọng cuối cùng của má Năm thật giản đơn: “Khi tôi chết, chỉ xin nhà nước cho phép được chôn cất bên cạnh các con trong nghĩa trang liệt sĩ. Nếu được toại nguyện thì tôi không còn gì hối tiếc nữa”.

Má Lê Thị Năm được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Lê Thị Thà (1906 - 1978)

Mẹ Lê Thị Thà sinh năm 1906 tại làng Tam Đa, xã Long Trường, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Gia đình mẹ thuộc loại trung lưu có vườn, có ruộng, nên thuở nhỏ mẹ được đi học ít nhiều. Mẹ lập gia đình ở lứa tuổi hai mươi như bao thiếu nữ cùng trang lứa, sinh hạ con gái đầu Nguyễn Thị Mạnh và con trai thứ Nguyễn Văn Mừng.

Cách mạng tháng Tám 1945, ông Nguyễn Văn Hung (Sáu Sừng) - là chồng mẹ - gia nhập Thanh niên Tiền phong, rồi Quốc gia tự vệ cuộc (công an) địa phương. Sống trong độc lập tự do hai tháng, làng Tam Đa cũng như bao làng quê khác ở quận Thủ Đức bị quân Pháp trở lại chiếm đóng. Tàu đổ bộ giặc theo sông chiếm ngã ba trường học Tam Đa, ngã ba Trường Lộc... và lính địch gác các đầu cầu từ Thủ Đức xuống vùng Bung Sáu xã. Ông Sáu Sừng tham gia ban trình sát hoạt động vũ trang tuyên truyền, vừa diệt tề trừ gian, vừa giải thích các chủ trương của Mặt trận Việt Minh cho nhân dân, vừa tham gia cùng cố cơ quan đoàn thể địa phương bị rã khi giặc mới đánh tới buổi đầu.

Rồi lực lượng vũ trang ta về chống càn, đánh phục kích trên lộ 33, hạ bót Trường Lộc, phá nhiều cầu trên lộ... Do đó, đến tháng 7/1947, địch rút chạy khỏi vùng Bung Sáu Xã. Nhà mẹ Lê Thị Thà và một số nhà trong làng trở thành nơi đóng quân của bộ đội huyện. Gia đình, họ hàng mẹ cùng bà con nuôi quân một thời gian dài. Con gái mẹ là Nguyễn Thị Mạnh tham gia Ban Chấp hành Thanh niên

cứu quốc xã. Mẹ Thà có học, được cử phụ trách bình dân học vụ, cùng mạng lưới giáo viên nghiệp dư hoạt động, xóa dốt sôi nổi theo chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến hành chính huyện Thủ Đức. Lúc này, ta có chủ trương xây dựng vùng Bưng Sáu xã thành căn cứ địa của huyện để lãnh đạo kháng chiến ở địa phương. Nhân dịp Quốc khánh 2/9/1947, huyện rút một số thanh niên đưa vào bộ đội huyện. Anh Nguyễn Văn Mừng - con mẹ - xung phong đi luôn.

Ngày 28/1/1948 (18 tháng chạp Đinh Hợi) địch càn lớn vào xã Long Trường từ nhiều hướng. Cô cán bộ Đoàn là Nguyễn Thị Mạnh hy sinh tại rạch Cau, làng Tam Đa cùng một người nữa. Mẹ Thà rất đau đớn vì mất mát to lớn này, song không vì thế mà sút giảm tinh thần hăng hái công tác. Cấp trên tin tưởng kết nạp mẹ vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Anh Nguyễn Văn Mừng dũng cảm chiến đấu, hoàn thành mọi công tác được giao. Từ cuối năm 1950, Pháp mở rộng lấn chiếm huyện Thủ Đức. Bộ đội ta hành quân đêm là chính để giữ bí mật. Đêm 8/12/1951, (10 tháng 11 Tân Mão), sau một trận đánh, anh Nguyễn Văn Mừng trúng đạn pháo địch bắn theo, hy sinh tại xã An Phú (Thủ Đức). Ông Sáu và mẹ Thà đón nhận tin sét đánh, tưởng khó mà gượng nổi. Chỉ còn đôi vợ chồng già sống với nhau, mai đây biết dựa vào đâu lúc trái nắng trở trời?

Năm 1962, địch dồn dân lập ấp chiến lược Tam Đa, ông bà không sống nổi ở quê hương, chạy lên Biên Hòa làm ăn sinh sống. Ông qua đời vài năm sau đó. Mẹ Thà tích góp sản nghiệp, xây dãy phố mười căn cho mướn để sống lúc tuổi già.

Sau ngày giải phóng miền Nam, mẹ Lê Thị Thà hiến 9 căn phố cho Nhà nước. Mẹ được hưởng chính sách hơn một năm thì qua đời (năm 1978). Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985. Mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.





Lê Thị Vân (1902 - 1985)

Khoảng đầu những năm 30 thế kỷ XX, làng Bình Đa nhỏ bé (nay thuộc phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) mới có hơn một ngàn dân, đã đón nhận cặp vợ chồng trẻ Nguyễn Văn Ký - Lê Thị Vân từ Cù Lao Phố qua làm ăn sinh sống. Mẹ Tám Vân sinh năm 1902, từ đó coi làng này là quê hương thứ hai.

Thời kháng chiến chín năm, Bình Đa là căn cứ du kích nổi tiếng của tỉnh Biên Hòa cũ, nằm trên hành lang giao liên của ta từ Chiến khu Đ nối thông xuống Long Thành, Bà Rịa. Bao đoàn cán bộ từ Bắc vào Nam hoặc từ Nam Bộ ra Trung ương đều phải qua đây. Nhiều đơn vị bộ đội từng đứng chân ở đây bảo vệ đường dây giao liên vận tải của ta, vươn ra đánh đường xe lửa, đường quốc lộ 1, quốc lộ 15... Nhiều cán bộ từ Bình Đa đột vào nội ô Biên Hòa hoặc Sài Gòn công tác. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến giữa năm 1952, căn cứ này là vùng độc lập, nhận nhip các hoạt động kháng chiến.

Năm 1946, ông Nguyễn Văn Ký và bà Lê Thị Vân đã dắt con trai là anh Nguyễn Văn Ly (Ba Ly) trao tận tay đồng chí Lê Thoa - chỉ huy phân đội 5⁽¹⁾ - với mấy lời mộc mạc chân tình:

- Cho nó đi với mấy ông, chừng nào độc lập hết giặc thì cho nó về.

(1) Tiền thân của Trung đội 5, Đại đội B - Chi đội 10 Biên Hòa. Đồng chí Lê Thoa sau là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Quốc Tuấn, rồi Huyện đội trưởng Vĩnh Cửu.

Đơn vị bộ đội này sống chan hòa với dân Bình Đa, được bà con tin yêu, quý mến. Các anh làm công tác dân vận giỏi, chiến đấu hăng hái, bảo vệ các đoàn công tác của tỉnh, huyện vượt đường 15 và đường 1.

Một đêm đầu tháng 7 âm lịch năm 1948, Ba Ly cùng một tập chiến sĩ đi đánh đoàn công voa. Ông bà hẹn mấy bữa tới mọi người về ăn rằm. Nhưng rồi tin sét đánh bay về: anh Ba Ly và đồng đội lọt ổ phục kích địch ở gần quán Chín Nếp (khu vực Trường Công an tỉnh Đồng Nai bây giờ) và đã hy sinh. Mẹ Tám Vân hối thúc ông Năm Ký đi tìm xác con; mọi người kiếm suốt ba đêm mới thấy, mang về an táng ngay đất cạnh nhà.

Ông bà sau đó đồng ý cho anh Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) thoát ly để trả thù cho anh ruột. Anh hăng hái công tác trong Ban Công tác thành số 7, sau đó là cán bộ của Đoàn vũ trang tuyên truyền đứng chân ở rừng Vĩnh Cửu (nay thuộc địa bàn các phường Tam Hòa, Long Bình). Đến Hiệp định Genève tháng 7/1954, anh là Thị ủy viên của Thị ủy Biên Hòa.

Địch chiếm căn cứ Bình Đa sau trận lụt Nhâm Thìn (tháng 10/1952), gia đình mẹ Tám Vân tạm lánh về Cù Lao Phố. Mẹ xây ngôi miếu Bà nhỏ nhỏ ở bờ sông Rạch Cát (Anh Ba Lễ - con rể mẹ là Bí thư Thị ủy Biên Hòa - cất giấu một số súng dưới gầm bệ thờ khi bộ đội ta đi tập kết). Giữa năm 1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu ồ ạt đánh phá phong trào cách mạng Đông Nam Bộ. Hai giờ chiều ngày 2/8/1956, một xe cảnh sát địch về ấp Bình Xương bắt ông Năm Ký. Mẹ Tám Vân níu kéo, bị chúng đẩy luôn lên xe, chở về phòng nhì Tiểu khu Biên Hòa điều tra, xét hỏi, song không thu được lời khai nào.

Hai ngày sau, mẹ được thả. Sáng 10/8/1956, chúng chở ông Năm - chồng mẹ về lò gạch bìa rừng chồi An Hảo (chân đồi nhà máy đường Biên Hòa bây giờ) để “dẫn đường cho quốc gia bắt cán bộ Việt Cộng nằm vùng”. Ông bỏ chạy, địch xả súng bắn chết. Mẹ Tám Vân tưởng có thể chết theo chồng. Mẹ nhờ người quen xin phép chính quyền chôn cất ông Năm - người đảng viên kiên cường. Bị lòng riết, anh Năm Hoa và một số cán bộ thị xã Biên Hòa được Thị ủy bố trí cho đi thoát ly, gia nhập đơn vị C.250 khu Đông Nam Bộ. Đêm 7/7/1959, anh được cử làm chỉ huy tổ đặc công tập kích Nhà Xanh⁽²⁾ (khu máy cưa Tân Mai) diệt 2 cố vấn Mỹ đầu tiên ở chiến trường Việt Nam.

Anh Bảy Huệ - con trai mẹ - bị địch bắt xét hỏi nhưng vì không có chứng cứ nên được tha về. Vừa đến tuổi quân dịch, anh từ biệt mẹ và vợ mới cưới, đi thoát ly đầu tháng 10/1960 trong cao trào Đồng khởi ở khắp các tỉnh miền Nam. Mẹ Tám Vân và chị Thu Hồng phao tin anh đi lính sư đoàn 7 ở Mỹ Tho, sau đó tung tin anh biệt tích để địch không làm khó dễ cho gia đình.

Ở Chiến khu Đ, lúc rảnh rỗi, anh Năm Hoa kỳ cạch mài khoét làm chiếc cối ngoáy trầu bằng khúc ngà voi xin được, rồi gửi về cho mẹ. Đầu năm 1962, mẹ nhận được tin dữ: anh Năm Hoa hy sinh trong trận chống càn ở Bà Đã ngày 17/12/1961. Đau xót tưởng chừng đốn gục người mẹ mang ba cái tang: chồng và hai con.

Con trai út Nguyễn Văn Báo (Tám Báo) đã lớn, mẹ thấy không thể để con sống trong vòng kim kẹp của giặc.

(2) Nhà Xanh bây giờ là nơi ở của cơ quan cố vấn Mỹ ở Quân đoàn 3 (MAAG).

Mẹ gửi núp ruột cuối cùng cho Bí thư Thị ủy Ba Lễ - con rể mẹ. Tám Báo gan dạ, sẵn sàng nhận mọi công tác dù khó khăn nguy hiểm. Anh rể lại rèn em vợ rất nghiêm nên chàng thanh niên mới lớn này tiến bộ nhanh. Đêm 12/7/1962 (11 tháng 6 năm Nhâm Dần), anh và đồng đội đi công tác, lọt ổ phục kích địch tại suối Chùa (trong khu Long Bình hiện nay) và bị hy sinh. Địch thu súng, mang xác anh về quận bêu để hù dọa nhân dân. Mẹ Tám Vân nghe tin, xỉu đi, tưởng có thể chết ngay theo con. Bọn địch cho người hỏi mẹ:

- Tám Báo đi theo Việt Cộng hồi nào?
- Nó xin phép chính quyền đi làm ăn, bữa nó chết là bữa giấy phép gần hết hạn, chắc nó về xin tiếp. Không hiểu vì sao nó bị mấy ông bắn chết?
- Con bà theo Ba Lễ, chúng tôi thu được súng tại trận mà!
- Chắc nó chết vì đi ngang nơi các ông bắn nhau. Nó từ nhỏ tới giờ đi đâu mà có súng?

Ít bữa sau, chính quyền quận cho gọi mẹ lên hỏi tiếp. Chiếc cối ngoáy trầu do anh Năm Hoa làm cùng với bịch trầu thuốc theo mẹ vào xà lim giặc. Lý lịch gia đình mẹ, chúng nắm rất chắc: bốn liệt sĩ, nhưng anh Bảy Huệ không biết mất hay còn, anh Ba Lễ - con rể ở mật khu Hưng Lộc, Bà Hàm thường lui tới những cơ sở nào ở nội ô và ai hay lui tới nhà mẹ? Chúng hù dọa, dụ dỗ, vắn vẹo... chỉ cốt moi được ba điều trên. Nhưng câu trả lời chỉ là: “không biết”, “không hay tin”, “không ai léo hánh”... suốt một tuần. Cuối cùng chúng phải thả mẹ.

Vào những lúc khó khăn, ngặt nghèo nhất, gia đình mẹ Tám Vân vẫn nuôi giấu anh em cán bộ về hoạt động,

làm giao liên... Các con, dâu, rể, cháu nội, ngoại cả thầy chín người đi thoát ly vào các thời điểm khác nhau. Bản thân mẹ, con gái, con dâu đều bị tù; con rể bị đày đi Côn Đảo. Mẹ luôn luôn có bạch trầu thuốc, cối ngoáy và bọc quần áo chuẩn bị đi ở tù.

Gia đình mẹ Tám Vân là tiêu biểu cho các gia đình chỉ đứng ở phía cách mạng. Cuối đời, mẹ kịp hưởng hạnh phúc to lớn khi đón con trai thứ bảy trong đoàn quân chiến thắng trở về. Mẹ vinh dự là mẹ của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Huệ, được tặng Huân chương Độc lập, ra Thủ đô viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và dự hội nghị những gia đình cách mạng tiêu biểu. Mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.





Lương Thị Thìn (1896-1946)

Mẹ Lương Thị Thìn ra đời năm 1896 tại Đồng Ván, xã Tân Ba, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa cũ (nay thuộc tỉnh Bình Dương) trong một gia đình nho phong, trọng lễ giáo. Lúc còn là thiếu nữ, mẹ quen biết anh thanh niên Đỗ Văn Thượng, người xã Phước Lai, quận Long Thành. Vì tham gia hội kín chống Pháp - nhân dân quen gọi là phong trào Thiên địa hội, anh bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam ở khám lớn Biên Hòa vào khoảng giữa thập niên 10 của thế kỷ 20. Từ đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp đặt xong bộ máy thống trị trên cả ba miền đất nước. Nhưng tinh thần quật khởi của nhân dân tỉnh Biên Hòa - cũng như ở nhiều tỉnh khác của Nam Bộ - không lụi tàn. Phong trào hội kín diễn ra ở nhiều nơi: Đoàn Văn Cự ở làng Vĩnh Cửu năm 1905, trại Lâm Trung ở Thiện Tân - Tân Uyên năm 1916, nhóm Nguyễn Văn Trụ ở Vũng Tàu, nhóm Tám Khỏe ở Long Điền (Bà Rịa)...

Cảm phục vì lòng yêu nước của anh, cô thiếu nữ Lương Thị Thìn nặng lòng gắn bó, lén mẹ cha đi thăm nuôi nhiều lần. Hai trái tim trẻ trung nồng cháy không vì hàng chấn song sắt và hàng rào nhà tù kiên cố cao ngất ngăn cách, đã hòa chung một nhịp. Một thời gian sau, anh được tha, đảng trai từ Long Thành đi Tân Ba tính làm đám nói cho Thượng. Gia đình mẹ Thìn không đồng ý vì có thành kiến lệch lạc: kẻ bị tù là loại thành tích bất hảo, không xứng đáng làm rể nhà có gia giáo. Dũng cảm vượt qua mọi cản ngăn của bậc sinh thành, mẹ Thìn chấp nhận chung sống cùng người yêu, không theo

tục lệ cưới xin cô truyền - nói nôm na là lấy chồng không hôn thú - Hai người đưa nhau qua làm ăn sinh sống ở xóm Trầu xã Long An (Long Thành), rất hạnh phúc và sinh hạ sáu mặt con. Bốn con đầu lấy họ mẹ: Lương Văn Nho, Lương Thị Xuyên, Lương Văn Chấn, Lương Thị Mẫn. Hai con cuối mang họ cha: Đỗ Văn Buông, Đỗ Thị Cúc. Mẹ đều cho các con ăn học và không quên kể lại gốc gác gia đình, giáo dục các con theo chí hướng của cha.

Khoảng năm 1943, đồng chí Trịnh Văn Dục - cán bộ Đảng, quê ở Thanh Hóa - được Xứ ủy Nam Kỳ điều về hoạt động gây dựng phong trào cách mạng trong công nhân đồn điền cao su Long Thành. Đồng chí đóng các vai người đi bán thuốc Lào, làm cu li mua lúa cho ngựa đồn điền... nhưng cái tên Thầy Ba thuốc Lào được nhiều người biết đến. Đồng chí gặp gỡ gia đình mẹ Thìn, được nuôi chữa, giúp đỡ nên sau đó nhận mẹ Thìn làm mẹ nuôi.

Cách mạng tháng Tám 1945 nổ ra ở thị trấn Long Thành sáng ngày 24/8/1945. Đây là nơi ta giành chính quyền đầu tiên trong toàn tỉnh Biên Hòa cũ. Bí thư Huyện ủy Trịnh Văn Dục được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Long Thành. Trong những ngày cách mạng sôi sục ấy, các con mẹ Thìn tham gia ngay vào đội ngũ những người yêu nước. Anh Lương Văn Nho (Hai Nho) là công chức sở Kho bạc Biên Hòa được cử làm Ủy viên tài chánh huyện (sau đó làm Đại đội trưởng Đại đội C chi đội 10) đi qua hai thời kỳ kháng chiến, trở thành Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam trước khi qua đời cuối thập niên 80. Anh Lương Văn Chấn tham gia Bộ đội Mai Văn Vĩnh (Trung đoàn 307). Anh Đỗ Văn Buông đi thoát ly, gia nhập đơn vị Trung đoàn 330. Các chị Lương Thị Xuyên, Lương Thị Mẫn hoạt động công

tác thanh niên và phụ nữ địa phương. Đỗ Thị Cúc chưa tới 10 tuổi vào đội văn nghệ tuyên truyền xung phong (rồi lớn lên làm cứu thương, đi tập kết được đào tạo thành bác sĩ, nay đã nghỉ hưu).

Mẹ Lương Thị Thìn không tiếc gạo, tiền, tài sản, sẵn sàng đóng góp để nuôi cán bộ, bộ đội, du kích. Ngày 7/2/1946 (mùng 6 tháng giêng năm Bính Tuất), giặc Pháp mở cuộc càn vào xã Long An. Chúng đốt hơn 200 nóc nhà, riêng xóm Trầu 90% nhà cửa cháy trụi. Chúng bắt khoảng 50 bà con trong xã khiêng gánh đồ đạc ăn cướp về quận lỵ Long Thành. 8 người bị địch giết hại, trong đó có mẹ Thìn. Một tên Việt gian biết mẹ có con nuôi là Bí thư kiêm Chủ tịch huyện, các con ruột đều đi kháng chiến, đã báo Tây. Chúng đánh đập, tra khảo mẹ rất tàn nhẫn để moi tin về các con của mẹ. Nhưng mẹ quyết giữ bí mật nên bị chúng bắn chết sau trận đòn man rợ, xác mẹ vất trên hàng rào của nhà. Vì vậy, mẹ được công nhận là một trong những liệt sĩ đầu tiên của xã Long An.

Anh Tư Chân (Lương Văn Chân) đi Bộ đội Mai Văn Vĩnh, được giao giữ cây súng máy của đơn vị. 12 ngày sau (19/2/1946), giặc mở trận càn vào xã Phước Thọ, anh hy sinh bên cây súng và đồng vỏ đạn. (Đến nay anh chưa được xác nhận là liệt sĩ).

Anh Sáu Buông (Đỗ Văn Buông) qua nhiều trận chiến đấu, được cử giữ chức đại đội phó. Anh hy sinh vì máy bay địch ngày 30/6/1952 tại Chiến khu Đ.

Giặc khủng bố, chị Ba Xuyên (Lương Thị Xuyên) và chị Năm Mẫn (Lương Thị Mẫn) lánh lên thị xã Biên Hòa sinh sống, phải thay tên đổi họ. Năm 1965, một đơn vị hậu cần Quân khu miền Đông móc nối với chị. Chị mua từng xe gạo, xăng dầu, thuốc men... chở lên cây số 125 ở Định Quán (trên

quốc lộ 20) có anh em ta đón sẵn. Ngày 27/1/1970, địch bắt chị lên một bót cảnh sát ở Chợ Lớn, vừa hăm dọa, vừa dùng tiền và vàng mua chuộc để chị móc nối, kêu đồng chí Lương Văn Nho về chiêu hồi. Nhưng chị không nhận. Năm 1971, địch lại bắt chị, tra tấn dã man làm thương tổn nội tạng. Chị gần chết chúng mới tha về. Ngày 24/2/1972, chị qua đời vì cạn kiệt sức lực.

Gia đình mẹ Lương Thị Thìn là tiêu biểu cho những gia đình chỉ đứng ở một phía cách mạng, có ba liệt sĩ được công nhận, trong đó bản thân mẹ là liệt sĩ đầu tiên của gia đình. Nửa thế kỷ sau ngày mẹ hy sinh, mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/KTCTN ngày 27/8/1995.





Ngô Thị Ký (1904-1982)

Mẹ Ngô Thị Ký sinh năm 1904 tại xã An Phú, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định (nay là thành phố Hồ Chí Minh) trong một gia đình nông dân. Mẹ lập gia đình, sinh hạ đông con, nhưng chỉ có năm người sống đến tuổi trưởng thành (ba trai, hai gái).

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chồng mẹ và con trai lớn là Hai Thông tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong xã. Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, ông và Hai Thông công tác tại địa phương. Địch chiếm Thủ Đức cuối tháng 10/1945, chúng đóng nhiều tua, bót trong quận, tiến hành càn bố hòng gom dân, bình định thực hiện “tái chiếm Nam Kỳ trong vài ba tháng”. Nhưng phong trào chiến tranh du kích diễn ra lúc sôi nổi, lúc tạm lắng. Mẹ Ngô Thị Ký lo tần tảo làm ăn nuôi chồng con và đóng góp ủng hộ kháng chiến, cũng lo chạy giặc càn bố xóm làng. Năm 1952, ta có chủ trương giảm chính, ông và anh Hai Thông trở về sinh sống cùng gia đình.

Sau Hiệp định Genève tháng 7/1954, đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp, nhảy vào miền Nam âm mưu biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Chúng thực hiện chiến lược chiến tranh một phía, dùng bạo lực đàn áp điên cuồng cách mạng miền Nam. Nhiều cán bộ, cơ sở yêu nước ở Thủ Đức bị bắt giam, bị bắn giết. Một người cậu ruột anh Hai Thông đưa mấy anh em vào làm ở hãng bia Larue (bia con cọp) để tránh né. Ngay từ năm 1955, một số cán bộ kháng chiến cũ (mà địch gọi là Việt Cộng nằm vùng) và thanh niên mật

An Phú đã trừng trị 3 tên công an ác ôn về khủng bố đồng bào. Nhân dân sôi nổi đấu tranh chống địch cướp đất làm xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, khiến chúng phải bồi thường thiệt hại. Được cán bộ giáo dục, anh Tám Nhung (Nguyễn Văn Viện sinh năm 1937) đi thoát ly hoạt động mật từ năm 1957, lúc địch mở các chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” ác liệt. Anh trở thành cán bộ phong trào ở An Khánh (thuộc quận 9, theo phân chia hành chính của chế độ Sài Gòn).

Sau cao trào Đồng khởi, phong trào đấu tranh cách mạng ở huyện Thủ Đức lên cao, anh Hai Thông (Nguyễn Văn Thông) từ chỗ là cơ sở mật, đã thoát ly gia đình, trở thành cán bộ xã An Phú. Anh bám trụ địa phương, vận động nhân dân đóng góp ủng hộ cách mạng, rút một số thanh niên hăng hái gia nhập, bổ sung lực lượng vũ trang huyện. Mẹ Ngô Thị Ký và vợ anh thi thoảng móc nối đi thăm; anh cũng nhiều lần ghé nhà khi về địa phương công tác.

Người con thứ ba của mẹ là anh Bảy Giò (Nguyễn Minh Hùng) lấy vợ ở xã Tam An, Long Thành. Được cán bộ địa phương giáo dục, anh Bảy đi thoát ly năm 1963, khi địch thực hiện quốc sách áp chiến lược trên khắp miền Nam.

Địch nắm được gia đình mẹ Ngô Thị Ký có ba con đi giải phóng, chúng gom ông bà vào khu đồn dân Gò Dưa nằm ở rìa căn cứ Thủy quân lục chiến Sóng Thần. Chúng kiểm soát chặt các gia đình sống trong đó, mặt khác dùng họ làm lá chắn thịt ngăn lực lượng vũ trang ta đánh vào. Chồng mẹ, cũng như nhiều ông già khác bị gom vào đây - bị địch bắt nhiều lần vào các dịp lễ kỷ niệm, đưa xuống nhốt ở trại tù Thủ Thiêm một thời gian ngắn lại thả. Không cam chịu kiếp sống cá chậu chim lồng, chị Mười Dung (Nguyễn Thị Dung) - con gái út của mẹ - đi thoát ly, phục

vụ quân y Nam Thủ Đức đầu năm 1965.

Mẹ Ngô Thị Ký chưa nguôi nỗi buồn vì con gái út xa nhà thì đón nhận tin xé ruột, anh Tám Nhung - Bí thư chi bộ xã An Khánh - hy sinh tại Cây Dầu (Long Thành) ngày 10/6/1965 (11 tháng 5 năm Ất Ty) trên đường công tác trở về, để lại cha mẹ già, người vợ trẻ và hai đứa con thơ.

Tết Mậu Thân 1968, ta mở cuộc tập kích chiến lược vào tận hang ổ Mỹ và tay sai, làm Nhà Trắng rung chuyển. Sau đó, địch phản kích, liên tục tiến hành các chiến dịch bình định hòng đẩy các lực lượng cách mạng ra xa đô thị. Mẹ Ký nhớ con gái út, tìm đến đơn vị thăm cô. Thấy con gái bị thương hư một mắt, mẹ không cầm lòng được, ôm út Dung khóc vùi:

- Đẻ con ra, cung như cung trứng mòng, con đi khôn lớn, lành lặn mà nay giặc làm con thế này...

Các đồng đội và con gái khuyên giải rất lâu, mẹ mới vui nỗi xót xa. Ngày 3/1/1970 (26 tháng 11 năm Kỷ Dậu), anh Hai Thông - Bí thư chi bộ xã An Phú - hy sinh vì lọt ổ phục kích địch tại Sông Nhạn⁽¹⁾ (Bà Rịa), để lại cha mẹ già và tám đứa con. Nghe tin này, mẹ tưởng không sống nổi. Bị kìm kẹp trong khu đồn dân, mẹ không thể khóc lớn cho vơi nỗi đau lòng. Mẹ ráng nén nước mắt lúc ban ngày, đến đêm mới than thở khóc thương.

Bảy tháng sau, mẹ đón nhận tin sét đánh: ngày 27/7/1970 (25 tháng 6 năm Canh Tuất), anh Bảy Giò - Bí thư chi bộ Tam An, rồi huyện ủy viên Long Thành phụ trách an ninh - hy sinh khi về Tam An phát động quần chúng, xây dựng

(1) Nay là xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

cơ sở. Đau thương dồn dập kéo đến làm mẹ héo hon, buồn khổ khôn nguôi.

Sau ngày toàn thắng, mẹ Ngô Thị Ký được hưởng chính sách của Nhà nước. Mẹ được tặng Huân chương Độc lập, chưa kịp nhận nhà tình nghĩa thì qua đời năm 1982. Gia đình mẹ chỉ đứng ở một phía cách mạng, mẹ có công sinh thành và nuôi dạy các con khôn lớn, nên người. Tổ quốc không quên ơn mẹ đã hiến dâng cho sự nghiệp độc lập dân tộc ba người con. Cuối năm 1994, mẹ Ngô Thị Ký được truy tặng danh hiệu vẻ vang Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.





Nguyễn Thị Bèo (1912-1965)

Mẹ Nguyễn Thị Bèo sinh năm 1912 trong một gia đình nông dân nghèo ở xã Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là Bình Dương). Đây là vùng đất gò (chiếm 80% diện tích) kém màu mỡ; ruộng ít, chỉ khoảng 20% ở nơi trũng và dọc khe suối, phần lớn nằm trong tay các nhà khá giả. Tân Phước Khánh bị nhà cầm quyền thực dân đánh giá là vùng đất nghịch vì năm 1916 hội kín trại Lâm Trung nổi dậy đốt nhà hội, giải thoát một số thanh niên sắp bị đưa qua châu Âu làm bia đỡ đạn; thời kỳ Mặt trận bình dân⁽¹⁾, chi bộ Đảng Cộng sản ra đời và hoạt động khá mạnh. Mẹ Nguyễn Thị Bèo làm mướn kiếm ăn, lập gia đình với một ông họ Trần ở cù lao Mỹ Quới nên về quê chồng sinh sống. Năm 1944, mẹ sinh hạ Trần Văn Bé, hai ông bà tuy nghèo nhưng cung con trai hơn cung trứng mòng.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông tham gia Thanh niên Tiền phong và dân quân du kích xã. Cuối năm 1945, giặc Pháp chiếm tỉnh lỵ Tân Uyên và nổi ra càn quét, bình định các làng xóm ven sông Đồng Nai. Chạy giặc quá gian nan, vợ chồng mẹ đưa nhau về Tân Phước Khánh sinh sống. Hồi đó, cả vùng còn nhiều rừng, suốt một dải từ ngã tư Nhà Thờ kéo dài qua Khánh Vân lên Chiến khu Đ. Mỗi khi địch càn, phần lớn dân Tân Phước Khánh ở xa bót chợ đều tránh vào rừng. Chồng mẹ qua đời khoảng năm 1948, mẹ gắng làm lụng nuôi con. Sau trận bão lụt Nhâm Thìn năm

(1) Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936-1939.

1952, mẹ đi bước nữa để có người rèn cặp con trai, do người em trai ruột (Năm Chang) chấp nối, giới thiệu.

Sau cao trào Đồng khởi 1960, địch chỉ kiểm soát được một khu vực nhỏ hẹp ở quanh chợ Tân Phước Khánh. Nhà mẹ Bèo ở vùng do lực lượng cách mạng làm chủ. Trần Văn Bé sống trong không khí sôi sục diệt ác phá kìm, đã tham gia tự vệ mật địa phương, nhiều đêm đi mít tinh, rải truyền đơn, treo khẩu hiệu, góp phần làm bọn hội đồng xã hoảng sợ, co thủ. Tháng 2-1962, anh thoát ly, do Bí thư chi bộ Hai Rén mót nối, làm tổ trưởng giao liên của xã. Mẹ Nguyễn Thị Bèo vui vì con mình hăng hái công tác, được các anh chị và cô bác cán bộ yêu mến. Tuy nghèo, mẹ cũng đóng góp phần nhỏ bé với cách mạng mỗi khi anh em về gặp.

Tháng 5/1962, một buổi sáng sớm anh Bé đi đưa thư và tài liệu lọt ổ phục kích của lính ở bìa ấp Hóa Nhật (Tân Hóa), hy sinh. Mẹ Nguyễn Thị Bèo vô cùng đau xót. Núm ruột duy nhất không còn, mẹ tưởng có thể chết theo con. Từ đó, mẹ sinh đau yếu, nhưng khi người em ruột là Năm Chang ghé về, mẹ vẫn cố cho em chút đỉnh.

Mẹ Nguyễn Thị Bèo qua đời khoảng năm 1965, giữa lúc đế quốc Mỹ ào ạt đổ quân vào miền Nam. Mẹ dâng hiến người con trai duy nhất cho công cuộc giải phóng dân tộc, do đó mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Nguyễn Thị Cội (1903-1933)

Mẹ Nguyễn Thị Cội sinh năm Quý Mão (1903), tại làng An Thuận, xã Thuận Giao, quận Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé) trong một gia đình nông dân. Theo phong tục xưa, mẹ lập gia đình sớm, sinh hạ nhiều con, nhưng chỉ dưỡng người sống đến tuổi trưởng thành. Nhà đông con, mẹ vất vả hai sương một nắng cùng chồng nuôi đàn con nhỏ. Do ăn uống đạm bạc, thiếu thốn, sinh đẻ dày nên sức khỏe mẹ hao mòn suy kiệt nhanh chóng. Mẹ lâm bệnh - bà con thường gọi là hậu sản - do không có thuốc men nên qua đời ở tuổi ba mươi, vào năm 1933. Mẹ không được thấy các con khôn lớn, không được chứng kiến ngày hội trọng đại của dân tộc: Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi...

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, con út của mẹ Nguyễn Thị Cội cũng vừa 15 tuổi. Trần Thị Liên (sinh năm 1922), Trần Thị Hẫu (sinh năm 1925), Trần Văn Cạp (sinh năm 1930), Trần Văn Liêm (sinh năm 1931) đều gia nhập đội ngũ Thanh niên Tiền Phong làng An Thạnh. Ít lâu sau, các chị Năm Liên, Sáu Hẫu tham gia hoạt động phụ nữ. Các anh Bảy Cạp và Tám Liêm vào dân quân du kích xã.

Cuối tháng 10/1945, quân Pháp từ Sài Gòn kéo lên tái chiếm tỉnh lỵ Thủ Dầu Một. Chúng nông ra tàn sát, bình định các làng xóm chung quanh với ý đồ chiếm Nam Kỳ trong vài ba tháng. Xã Thuận Giao và hai xã bạn An Phú, Bình Hòa nằm ở vùng gò huyện Lái Thiêu; nơi đây ruộng nương xen kẽ một số sở cao su dựa lưng vào rừng Cò Mi rộng hàng trăm hecta.

Do đó, ngay từ đầu thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một và Huyện ủy Lái Thiêu chủ trương xây dựng căn cứ địa Thuận - An - Hòa. Anh Bảy Cạp đi thoát ly, vào bộ đội huyện tháng 10-1945. Hai tháng sau, chị Năm Liên trở thành liên lạc cho bộ đội. Địch lần chiếm các xã xung quanh căn cứ Thuận - An - Hòa. Bộ đội và du kích liên tục chống càn, đánh bót Võ Lầu, bót Cây Me... Đêm 20/10/1947, ta đánh bót Cầu Mới (Bình Chuẩn), chiến sĩ Trần Văn Cạp anh dũng hy sinh. Nghe tin anh chết, Tám Liềm xin đi thoát ly để trả thù cho anh. Đơn vị bộ đội địa phương mà chị Năm Liên phục vụ và du kích xã Thuận An có nhiệm vụ chủ yếu bám trụ địa phương để bảo vệ các cơ quan chỉ đạo của tỉnh và huyện.

Tháng 9/1951, địch mở cuộc càn quy mô lớn, sử dụng hỏa lực mạnh, âm mưu xóa chiến khu Thuận - An - Hòa. Chúng đổ quân đóng ba bót: Chợ Miếu, An Phú, Ký Vĩnh trong ruột căn cứ địa; ngoài ra chúng còn đóng nhiều tua trên các trục lộ phía Bắc và Nam khu Thuận - An - Hòa. Vùng căn cứ xưa bị địch xẻ dọc ngang, phần lớn trở thành vùng trắng, nhưng lực lượng ta vẫn đeo bám rừng Cò Mi. Địch dùng những tên đầu hàng phản bội lập thành các toán biệt kích áo đen, thường xuyên đánh phá những nơi chúng nghi có anh em ta đóng. Công việc giao liên trở nên vất vả, nguy hiểm. Ngày 18/9/1953, chị Năm Liên đi công tác đụng giặc phục kích và hy sinh. Như vậy, trong chín năm kháng chiến chống Pháp, hai người con của mẹ Nguyễn Thị Cội hiến dâng cuộc sống thanh xuân cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc.

Sau Hiệp định Genève tháng 7/1954, anh Tám Liềm không đi tập kết. Anh ở lại tham gia đấu tranh chính trị tại địa phương. Trong cao trào Đồng khởi ở tỉnh Bình Dương, anh vào lực lượng vũ trang chủ lực, trong đơn vị C.30- D.302.

Đơn vị anh chiến đấu liên tục trên địa bàn Tam giác sắt. Trong một cuộc chống càn, anh bị thương nặng, sau đó hy sinh ngày 22/2/1962 ở Bến Súc.

Mẹ Nguyễn Thị Cội qua đời lúc còn rất trẻ, nhà không khá giả nên không có di ảnh. 62 năm đã trôi qua từ ngày mẹ mất; mẹ không bị quặn lòng khi quân xâm lược trở lại dày xéo quê hương Thuận Giao, mẹ không phải chịu những cơn đau đớn xé ruột khi các con mẹ hy sinh. Tổ quốc không quên ơn mẹ đã hiến dâng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc ba người con mà mẹ từng mang nặng đẻ đau.

Mẹ đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 438/KTCTN ngày 24/4/1995.

Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.



Nguyễn Thị Cúc (1922-1992)

Mẹ Nguyễn Thị Cúc, người dân tộc S'tiêng, sinh năm 1922 tại một sóc hẻo lánh ở Thủ Dầu Một (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Thuở còn là thiếu nữ, cô gái Nguyễn Thị Cúc duyên dáng, xinh tươi như bông hoa rừng. Theo tục lệ, cô bắt chồng là một chàng trai ở sóc lân cận. Chồng cô được các chủ đồn điền cao su người Pháp mộ vào làm cho sở. Thế là cô Cúc trở thành phu cạo, xa rời rừng núi, suối, sông quen thuộc. Năm 1944, cô sinh hạ một con trai kháu khỉnh, hai vợ chồng đặt tên là Phạm Văn Sanh.

Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Các đồn điền cao su Pháp đình đồn từ ngày Nhật đảo chánh, nay được mở lại. Chủ Pháp lại quay về làm chúa tể vùng đất bazan mênh mông. Gia đình cô Cúc có đột biến: chồng cô lấy vợ nhỏ, người vợ sau xua đuổi mẹ con cô khỏi tổ ấm xây dựng từ năm xưa. Nếu sống trong cộng đồng S'tiêng, cô được luật tục bảo vệ, chồng cô không được ly dị cô; nếu muốn ly dị vì lý do chính đáng, người chồng phải đền vạ một con heo, một vò rượu trả tiền tambu (tiền trình tiết), trả tiền nuôi con... Nhưng sống tách khỏi sóc từ lâu, cô Cúc ngậm ngùi ra đi với hai bàn tay trắng. Cô về xã Minh Đức (Hớn Quản) tiếp tục làm phu cạo mủ.

Ngày ngày, cô Cúc đợi “mặt trời của mẹ” ra lò cao su dù trời nắng lửa hoặc mưa dầm. Sinh ra từ vùng núi, Sanh thừa hưởng tố chất khỏe khoắn dẻo dai của cha mẹ. Sanh lớn lên từng ngày và khi đến tuổi tới trường, mẹ Cúc làm

khai sinh cho con lấy quê quán là xã Minh Đức, quận Hớn Quản (nay là huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước). Nhà có một mẹ, một con, mẹ trút tất cả tình thương yêu trù mền vào giọt máu duy nhất của mình. Tuy nghèo, mẹ cố cho con đến trường học chữ cho đời đỡ khổ.

Khi Sanh trở thành thanh niên, miền Nam đang trong thời kỳ “chiến tranh đặc biệt”⁽¹⁾, quân đội Sài Gòn hầu như bên bờ vực sụp đổ sau các chiến thắng vang dội: Bình Giã, Plei Me, Đồng Xoài...⁽²⁾ của quân giải phóng. Cán bộ mật xã Lộc Quang gặp gỡ, giáo dục Sanh, anh được giác ngộ liền đi theo giải phóng. Đầu năm 1965, anh làm du kích mật rồi thoát ly vào rừng làm nhân viên kinh tài huyện Hớn Quản. Sanh đi thoát ly, mẹ Cúc theo con vào căn cứ vì không thể xa con. Mẹ mò cua, bắt ốc, hái rau rừng, lấy củi, nấu ăn... đỡ dần cho anh em trong đơn vị để luôn luôn được gần con. Mẹ thương Sanh chịu đựng bom đạn, càn quét của giặc, trong khi mẹ cũng gian khổ tương tự.

Tháng 7/1970, anh Sanh thu thuế xe be khai thác gỗ trong vùng ta làm chủ thì bị địch phục kích bắn chết ở suối Bà Nôm, xã Lộc Quang. Mẹ Cúc đau đớn muốn chết cùng con. Mẹ trải qua nhiều ngày vật vã, xót thương, trong lúc địch tiến hành đánh phá căn cứ ta ác liệt.

Tháng 3/1972, quân dân miền Nam mở đợt tiến công chiến lược trên khắp các chiến trường Trị - Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Bộ binh và xe tăng ta đột phá Bình Long, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng. Theo dòng người di tản, mẹ Cúc chạy về đồn điền Cuộc-tơ-nay (Cầm

(1) Chiến tranh đặc biệt (1960-1965).

(2) Những trận đánh, chiến dịch lớn diễn ra trong 2 năm 1964-1965.

Mỹ) tiếp tục làm nghề cạo mủ sinh sống.

Mẹ Nguyễn Thị Cúc được tặng Huân chương Độc lập. Mẹ được nuôi dưỡng ở trại cha mẹ liệt sĩ Long Khánh rồi được đưa về sống ở nhà nuôi cha mẹ liệt sĩ Đồng Nai bên Cù Lao Phố. Mẹ rất ít nói, hay uống rượu, hình như lúc nào cũng chỉ nhớ Phạm Văn Sanh ở tuổi 21 đầy sức sống non tơ. Anh mãi mãi tươi trẻ trong tâm trí của mẹ. Mẹ Nguyễn Thị Cúc qua đời năm 1991 trong niềm ưu ái của những bậc cha mẹ liệt sĩ cùng trại. Cuối năm 1994, mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.





Nguyễn Thị Đẹt (1901-?)

Mẹ Nguyễn Thị Đẹt (Ba Đẹt) sinh năm 1901 ở xóm Gò Tre làng Bình Dương (nay thuộc phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa) nhưng cư ngụ lâu dài ở phường Tân Vạn. Đời mẹ là chuỗi dài lo toan việc nhà, việc nước chắt chồng thương nhớ mỗi mòn và đau đớn xé lòng từ khi đế quốc xâm lược kéo vào. Mẹ có năm con: ba trai đầu rồi tới hai gái. Anh Hai Hoàn (sinh năm 1924) hăng hái tham gia phong trào Thanh niên Tiền Phong hồi Cách mạng tháng Tám 1945. Tiếng súng Nam Bộ kháng chiến thôi thúc anh gia nhập Vệ quốc đoàn, làm lính trinh sát chi đội 306 chiến đấu trên đất Gia Định - Ninh (tức tỉnh Gia Định - Tây Ninh lập năm 1951). Tiễn con lên đường, mẹ tuy buồn nhớ nhưng rất phấn khởi tự hào. Anh Nguyễn Văn Ba (sinh năm 1926) - bà con kêu là Ba Bụng - tham gia Quốc gia Tự vệ cuộc (sau đổi là Công an), công tác tại địa phương. Dịch đóng bót Bến Gỗ, song làng Bình Dương nhỏ bé vẫn thuộc vùng độc lập một thời gian dài. Bộ đội về làng, do đó lính bót Bến Gỗ thường càn quét gom dân về quanh bót của chúng. Mặt khác, kẻ địch tiến hành chiến tranh gián điệp, cho tay sai đi dò la tin tức của ta. Quốc gia Tự vệ cuộc là công cụ sắc bén của cách mạng, góp phần ngăn chặn và tiêu diệt bọn gián điệp, bảo vệ kháng chiến. Anh công an Ba Bụng com nhà việc nước như tất cả các cán bộ cơ sở hồi đó. Mẹ Ba Đẹt nhỏ thó tần tảo công việc ruộng đồng, nuôi con và các đồng chí của con, coi đó là lẽ đương nhiên.

Cuối tháng 8/1948, anh Ba Bụng đi công tác ở ấp Phước

Châu (Long Hung) thì bị lính biệt kích commando của Pháp đột vào bắt được. Chúng giải về bót Bến Gỗ, đánh đập dã man hòng bắt anh khai lực lượng cán bộ, du kích đang bám địa phương. Chúng bỏ đói anh, chị Ba Lợi bị giam cùng phòng lén bẻ một miếng cơm tuần cho anh. Tên lính gác trông thấy, giật phắt, vứt đi. Không khai thác được gì ở anh Ba, bọn giặc đem anh về Vàm Ông Yếu (Long Hung) chặt đầu ngày 3/9/1948 (Mùng 1 tháng 8 năm Mậu Tý). Bà con trong xóm chôn cất anh ở ven sông. Mẹ Ba Đẹt vô cùng đau xót khi nghe về cái chết thảm của con mình.

Một thời gian sau, mẹ cùng con gái út Sanh - mới 10 tuổi - xuống Bến Gỗ, dò hỏi tìm gặp tên ác ôn. Má bình tĩnh, tỉnh táo nhìn thẳng mặt hắn:

- Tôi nghe nói ông chặt đầu nhiều người lắm, phải không?

Y hoảng sợ, chối bằng cách nói năng lắm nhảm như một thằng điên. Sau ngày giải phóng, mẹ xuống Bến Gỗ lần nữa, nhưng y trốn biệt nơi nào, chắc sợ bị trừng trị vì những tội lỗi man rợ khi y cam tâm làm tay sai cho giặc.

Nguyễn Văn Bốn (sinh năm 1940) gia nhập du kích xã để trả thù cho anh ruột. Anh cùng đồng đội nhiều phen chống càn bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ du kích Bình Đa. Mẹ và hai con gái lo việc ruộng đồng, lo chạy càn, lại lo tiếp tế cho anh và sổ du kích xã. Trưa 11/6/1951, bộ đội cùng du kích địa phương kỳ tập hạ bót Long Điền, thu nhiều vũ khí. Địch chiếm lại bót, bắt một số dân, trong đó có út Sanh mới 12 tuổi. Anh Bốn thấy mẹ và hai em không thể yên thân ở xóm Gò Tre, một mặt nhờ người nói với linh mục Thiên xin tha cho em, một mặt thuyết phục mẹ về Tân Vạn làm ăn sinh sống. Khi út Sanh được tha, gia đình đi luôn. Bót Bến Gỗ thông báo cho bót Tân Vạn: mẹ Ba Đẹt có một con đi bộ đội,

một con làm công an đã chết, một con là du kích ở Bình Đa. Chúng gọi lên dụ:

- Có con đi Việt Minh thì kêu nó ra, các quan sẽ cho nhiều tiền...

- Gia đình tôi có mấy mẹ con từ Bình Dương qua đây mong sống yên ổn...

Lâu lâu, mẹ cùng con gái lên bơi xuống qua Bình Đa tiếp tế cho anh Bốn: gạo, thuốc hút, quần áo... Có lần út Sanh đi một mình, mang gói mắm hơn một ký bị lính xét thấy, chúng tịch thu và tát mấy cái về tội “tiếp tế cho Việt Minh”. Ngày 6/11/1952 (19 tháng 9 năm Nhâm Thìn) anh Bốn lọt ổ phục kích, bị bắn chết trong khi đi trình sát bót Bình Đa vừa dựng sau trận bão lụt lịch sử. Nghe tin dữ, mẹ Ba Đẹt ngất xỉu rồi phát điên, xé nát quần áo, ngày ngày đi rong suốt dọc xã Tân Vạn khóc con, chửi giặc hàng tháng liền. Khi mẹ tỉnh lại, chúng gọi lên bót Tân Vạn:

- Trước đây chúng tôi đã biểu bà kêu con về, bà chối, sao bây giờ bà còn la khóc âm ỉ?...

Đến Hiệp định Genève tháng 7/1954, mẹ và út Sanh chỉ thoáng gặp anh Hai Hoàn cùng đoàn bộ đội hành quân ngang chân núi Châu Thới lên đường tập kết. Từ đó, mẹ cũng như bao bà mẹ miền Nam, van vái Trời Phật, mong có ngày gặp lại người con trai còn lại. Anh là niềm hy vọng to lớn cuối cùng của mẹ. Thời chánh quyền Sài Gòn, mẹ và út Sanh đã đi tìm mộ anh Ba và anh Bốn. Nhưng do vật đổi sao dời, mưa nắng đã xóa hết vết tích cả hai ngôi mộ.

Sau ngày đất nước thống nhất, mẹ chờ mãi ngày anh Hai Hoàn trở về. Một trong các mong ước của người già là trông cậy và sống cùng con cháu. Một đồng đội của Hai Hoàn ở

Sư đoàn 325 tìm về thăm mẹ và báo tin: trong đợt ba Mậu Thân, đơn vị anh đánh vào Sài Gòn bị tổn thất nặng, anh bị vây chặt, đã nổ mìn diệt giặc và hy sinh ngày 9/8/1968 (không rõ nơi chôn cất). Bao nhiêu nước mắt đã cạn khô qua hơn ba mươi năm lo âu, đau khổ, thương nhớ, buồn tủi. Mẹ kịp đón nhận huân chương Độc lập cao quý. Cách nay gần một chục năm, mẹ đã về với chồng và ba con trai thân yêu ở cõi vĩnh hằng. Mẹ Nguyễn Thị Đẹt được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Nguyễn Thị Đờm (1906)

Chúng tôi đến trại nuôi dưỡng cha mẹ liệt sĩ ở xã Hiệp Hòa vào một buổi sáng tháng 10/1994, bên bờ sông Đồng Nai quanh năm lặng lẽ bồi đắp phù sa. Gặp lại mẹ Nguyễn Thị Đờm trong niềm vui và xúc động. Mẹ đã ở vào tuổi 89, nhưng dáng người vẫn thẳng thớm như thời mẹ còn trẻ. Vẫn giọng nói sang sảng của những ngày mẹ làm công tác tuyên truyền, vận động anh em binh lính buông súng về với cách mạng của những năm tháng kêu gọi đấu tranh chống áp bức, bóc lột, đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống công nhân cạo mủ ở đồn điền cao su Suối Tre, Bàu Hàm... Riêng đôi mắt mẹ đã bao lần ngóng trông người con trai của mẹ trở về... nhưng con mẹ đã không trở về, và đôi mắt thì mỗi ngày một mờ đi...

Mẹ đón chúng tôi thân tình như con cháu lâu ngày gặp lại. Mẹ hồn nhiên, dẫn tay chúng tôi chỉ cho xem những tấm huy chương mà Nhà nước đã phong tặng cho mẹ, cho chồng, con mẹ:

- “Và cả vòng hoa này nữa, các con xem có đẹp không?” (Khi chúng tôi chụp ảnh lưu niệm thì mẹ nhất định đòi đeo vòng hoa ấy cho kỳ được!)

Đang vui, chợt cái nhìn của mẹ thoáng xa xăm. Đôi mắt mờ dỗi về một nơi như con mẹ vẫn đang hiện hữu...

- Đây! Các con xem, anh Dân con có giống mẹ không? Mẹ chỉ có mình anh con, thế mà mẹ cũng không giữ được nó! Trong cảnh đất nước tang thương, nếu người mẹ nào cũng chỉ

muốn giữ con ở nhà với mình, thì đất nước này sẽ về đâu?! Biết bao người mẹ đã hy sinh cái riêng để được cái chung! Nào đâu phải chỉ mình mẹ. Mấy mươi năm rồi còn gì! - Mẹ lấy khăn chấm nước mắt, giọt nước mắt hiếm muộn của tuổi già làm chúng tôi nao nao trong dạ. Rồi mẹ lặng im như đang lục tìm trong ký ức những dấu ấn của một thời đã qua.

Quê mẹ ở Thụy Anh, Thái Bình. Năm 1926, mẹ theo những người mộ phu vào Nam và chọn Biên Hòa làm quê hương thứ hai. Là một công nhân cạo mủ, phải chịu bao cảnh áp bức, bóc lột của bọn cai, bọn tổng đồn điền, mẹ đã sớm được giác ngộ cách mạng và làm công tác tuyên truyền. Mẹ lấy ông Nguyễn Văn Biên ở Bàu Lâm - Xuyên Mộc - Bà Rịa. Những tưởng cuộc đời sẽ đổi khác, nhưng mẹ đã âm thầm xót xa với cảnh lẽ mọn. Năm 1935, anh Nguyễn Văn Dân ra đời, niềm vui chưa trọn vẹn, thoát đã ly tan, chồng mẹ bị Pháp bắt và giết chết vì tội “tham gia cách mạng”, còn lại mình mẹ cô cút nuôi con. Năm 1950, anh Dân tham gia cách mạng và làm du kích ở xã An Lộc - Xuân Lộc - Biên Hòa, và khi đến tuổi 20 thì anh thoát ly hoạt động bí mật. Ngày chia tay, anh nói với mẹ: “Con muốn ở nhà làm rẫy nuôi mẹ, nhưng giặc không để chúng ta yên ổn làm ăn... Mẹ hãy để con đi... Con còn phải trả thù cho cha nữa!”

Đứt ruột đưa tiễn con vào kháng chiến, những lần gặp mặt vội vã qua những lần tiếp tế cho con, còn lại mình mẹ, mẹ tiếp tục công tác hậu phương. Tảo tần với đủ mọi nghề, mọi việc, dành dụm được ít tiền, vàng, mẹ cũng bán đi để gửi cho con và cho anh em cách mạng.

Trong những năm tháng làm công tác hậu phương, mẹ cũng đã từng vào tù ra khám (có năm mẹ bị tù tới bốn lần), bị đánh đập tra khảo, nhưng không moi được chứng cứ gì ở

mẹ, chúng đành thả mẹ ra. Mẹ lại tiếp tục công việc của mình. Một đặc điểm nổi bật ở mẹ là sự nhanh trí và khéo léo, mẹ đã nhiều lần qua mặt được kẻ thù giúp cho những cuộc họp, những cuộc hành quân bí mật của anh em cách mạng được an toàn... Lắm khi nhớ lại, mẹ bật cười: “Nghĩ hồi ấy, mình cũng gan!...”

Những tưởng mẹ con sẽ có một ngày gặp lại, nhưng anh Dân đã vĩnh viễn nằm lại ở ấp Núi Tung, xã An Lộc - Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh (nay là tỉnh Đồng Nai) ngày 2/9/1969 khi bám đánh địch ở núi Tung bị vướng mìn của địch gài, anh hy sinh tại chỗ. Chiến tranh qua đi, hòa bình lập lại, con của mẹ chỉ còn trở về với tấm di ảnh nơi đầu giường của mẹ. Vắng sự chăm sóc của con nhưng mẹ lại được sống trong sự yêu thương đùm bọc của các cấp, các ngành... dầu cho đó là sự bù đắp rất nhỏ.

Mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985 và phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Nguyễn Thị Én (1928-1952)

Mẹ Nguyễn Thị Én sinh năm 1928 tại làng Tân Tịch, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Mẹ là đồng hương với nhà thơ - chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ, quê mẹ thuộc vùng Chiến khu Đ lịch sử.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Sáu Én vừa ở lứa tuổi bẻ gãy sừng trâu, thoát ách nô lệ trở thành công dân nước độc lập tự do. Cô và bạn bè cùng trang lứa được tháo cũi sổ lồng, tham gia Thanh niên Tiền phong, Phụ nữ cứu quốc... dự vào lễ hội vĩ đại của dân tộc. Ngày vui ngắn chẳng tày gang, chỉ vài tháng sau, đầu năm 1946, giặc Pháp tràn lên quận lỵ Tân Uyên. Ngày 15/3/1946, lần đầu tiên hơn 5000 quân địch, có máy bay yểm trợ, đã hành quân đường bộ và đường sông Đồng Nai đánh lên Chiến khu Đ. Quê hương Tân Tịch bị lung sục, chà sát bởi chủ trương của chúng: đốt sạch, phá sạch, giết sạch. Nhà cửa, thóc lúa, trâu bò, ruộng mía... bị giặc thẳng tay triệt phá, một số dân không chạy kịp bị chặt đầu, bị bắn chết.

Sau đau thương đầu tiên này, ta phát động thanh niên nam nữ tòng quân. Sáu Én là một trong vài thanh niên Tân Tịch được đưa xuống Quân khu 9 (miền Tây Nam Bộ) làm công tác giao liên. Thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, đường đi từ miền Đông xuống miền Tây còn tương đối dễ dàng. Từ quê hương ven sông Đồng Nai chỉ sẵn khoai với củ, địa hình thì lượn sóng rừng núi, những nẻo ruộng cao ven sông nửa năm khô rang, Sáu Én tới xứ đồng ruộng mênh mông, cò bay thẳng cánh, sông rạch chằng chịt dọc ngang cầu khỉ khó đi.

Nhưng vì nhiệm vụ, cô chóng hòa đồng với tập thể, với nhân dân vùng cơ quan đóng. Thì ra ở đâu, bà con lao động cũng chất phác, tốt bụng, thương yêu, quý mến cô như con ruột của mình... Vào mùa khô, sông rạch miền Tây nhiễm mặn, tắm xong, người vẫn mốc cời, bứt rứt; Sáu Ớn lại nhớ dòng sông Đồng Nai trong xanh, nước ngọt lành, những buổi đi làm về, xuống đó dầm mình xiết bao thú vị.

Trên bước đường công tác, Sáu Ớn gặp gỡ rồi yêu thương một chiến sĩ giao liên cùng đơn vị. Đầu năm 1952, chị sinh con trai đầu lòng. Được sự đồng ý của đơn vị, đôi vợ chồng trẻ thay nhau bồng đứa hài nhi đỏ hỏn, vượt qua những khúc sông bạc đầu (tàu tuần giặc chạy liên tục sẵn sàng bắn bỏ mọi xuồng ghe bị nghi ngờ), những cây cầu giảm kỷ (địch thường phục kích ban đêm) về tới Tân Tịch. Gia đình bên ngoại thương con, thương cháu nhận lời nuôi dùm. Ở chơi mấy bữa, người chồng quay về đơn vị; từ đó vắng mặt tin anh (Nếu anh còn sống ắt phải tìm về thăm vợ, thăm con trai đầu lòng yêu quý). Đang nghỉ cho lại sức, một bữa pháo địch nã vô rừng. Người mẹ trẻ Nguyễn Thị Ớn bị thương, chữa chạy không được nên đã qua đời ở tuổi 32. Giọt máu của hai chiến sĩ giao liên để lại được bên ngoại hết lòng chăm sóc. Lại Văn Việt lớn lên nhờ công dì Nguyễn Thị Nhuận (Tám Nhuận) và họ hàng bên ngoại. Năm 12 tuổi, Việt theo dì Tám đi thoát ly, làm giao liên cho bộ phận Dân vận tỉnh Bình Dương. Việt nhỏ con nhưng nhanh nhẹn, gan dạ nên luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năm 14 tuổi, Việt được cử làm tổ trưởng giao liên. Được giữ cây súng cacbin, gặp địch là đánh, để mở đường đi. Có bữa trực thăng địch xà quần, Việt bình tĩnh nổ súng xua đi và thoát hiểm. Ngày 12/6/1966, Lại Văn Việt hy sinh vì pháo địch tại Cầu Gõ, Hồ Bàu (Chiến khu Đ) và được

công nhận là liệt sĩ.

Mẹ Nguyễn Thị Ёn đi qua cuộc kháng chiến như một ánh sao băng, để lại một con trai tuy nhỏ tuổi nhưng đã đi cùng đường cha mẹ em từng đi. Mẹ đã trở về với cát bụi trần gian, chưa kịp để lại di ảnh cho mọi người biết mặt, nhưng tên tuổi mẹ sống dài lâu trong đội ngũ những Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Nguyễn Thị Ёn được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/KTCTN ngày 27/8/1995.

Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.



Nguyễn Thị Mười (1890-1947)

Ngày đất nước hoàn toàn độc lập thì mẹ đã đi xa, cho nên ngày Nhà nước truy tặng mẹ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, mẹ không còn để đón nhận. Dẫu mẹ không còn, nhưng sự cống hiến của mẹ vẫn được tưởng nhớ và trân trọng.

Lần theo những mảng ký ức ít nhiều về mẹ nơi những người thân của mẹ, được biết:

Mẹ Nguyễn Thị Mười (còn gọi là Nguyễn Thị Tý) sinh năm 1895 tại Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam - dải đất miền Trung quanh năm nắng lửa, mưa tràn.

Mẹ cũng như bao người mẹ Việt Nam khác, lập gia đình, sinh con và vun đắp cho hạnh phúc gia đình mình. Qua lời kể của bà Nguyễn Thị Dũ (sinh năm 1913) là con dâu của mẹ - vợ của liệt sĩ Nguyễn Dũ - cuộc sống của mẹ và gia đình vô cùng khó khăn vì ngày đêm giặc càn quét, đốt phá, cướp bóc cùng với những buổi chạy giặc liên miên... Dù cuộc sống khó khăn vất vả, nhưng mẹ vẫn đảm đang được mọi việc để khuyến khích chồng tham gia phong trào chống Pháp.

Cuộc sống khó khăn vẫn tiếp nối qua đi trong đời mẹ, đôi vai gầy của mẹ trĩu nặng hơn khi chồng mẹ - ông Nguyễn Thục (còn gọi là Nguyễn Đống) sinh năm 1892 tại Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam bị Pháp bắt, bị tra tấn, đánh đập. Khi từ nhà lao trở về, ông lâm bệnh nặng. Mẹ lại cặm cuội nuôi chồng. Vào một ngày bão đổ năm 1947, mẹ âm thầm nằm xuống trên đất Điện Biên. Hai năm sau, chồng mẹ cũng

theo mẹ ra đi...

Mẹ chỉ có một mình Nguyễn Dũ (sinh năm 1911) tại Điện Phong, Điện Bàn. Anh Dũ tham gia cách mạng từ tháng 8/1945, nhưng chính thức công tác trong ban dân chính xã và làm trưởng ban tự quản xã từ tháng 5/1952. Từ đó, cho đến ngày 5-5-1968, con mẹ cũng vĩnh viễn nằm xuống trên mảnh đất nơi mình đã được sinh ra. Lớn lên và từng hoạt động vào sinh ra tử, trong một lần đi vận động nhân dân tải gạo, Nguyễn Dũ đã bị địch mai phục bắn chết. Nỗi gót truyền thống cách mạng của gia đình, vợ và các con của liệt sĩ Nguyễn Dũ cũng lần lượt tham gia cách mạng. Bị ruồng bỏ, bị săn lùng vì thuộc diện có liên quan với cách mạng, nên bà Nguyễn Thị Dũ đã đưa sáu người con của liệt sĩ vào Nam bộ và tiếp tục công tác cho dân, cho nước.

Mẹ Nguyễn Thị Mười cũng như các bà mẹ Việt Nam khác, trước hoàn cảnh đất nước bị cắt chia, chỉ biết hy sinh những tình cảm riêng tư của mình để đổi lấy hòa bình của dân tộc.

Chiến tranh đã qua đi, có thể trong cái bận rộn của cuộc sống đời thường làm lòng người dễ quên đi quá khứ, nhưng những đóng góp của mẹ như phù sa bồi đắp, như sự thăng hoa vào sự phồn vinh của Tổ quốc hôm nay, tất cả vẫn còn nguyên giá trị, dù mẹ không còn hiện diện, kể cả tấm di ảnh cũng không có...

Mẹ Nguyễn Thị Mười được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/KTCTN ngày 27/8/1995.

Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.



Nguyễn Thị Ngôn (1922)

Đất Thường Lang gắn với địa danh Lạc An, Tân Tịch... nằm ở bìa Chiến khu Đ lịch sử, gợi lên trong tâm trí mọi người đây là nơi xa ngái, phải trèo đèo lội suối nhọc nhằn mới tới. Nhưng thật ra từ thị xã Thủ Dầu Một đi lên, chỉ hơn ba chục kilômét; còn từ thành phố Biên Hòa xẹt ngang sông Đồng Nai, quãng đường rút ngắn còn nửa. Thời kháng chiến chín năm, Thường Lang là địa bàn hoạt động của nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc, nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ. Dấu chân ông in khắp vùng, nay mọi người già còn nhớ. Đất Thường Lang - cũng như cả Chiến khu Đ - hứng chịu hàng trăm cuộc càn lớn nhỏ của quân Pháp, bị tàn phá nhiều lần. Các ngôi nhà gỗ khung trang cháy rụi thay bằng ngôi nhà tranh, rồi thu lại thành chiếc chòi lá miễn là đủ che nắng, che mưa để mọi người đứng chân đánh giặc tạo nên huyền thoại mờ ảo lung linh, hào quang về một “Chiến khu Đ (giặc) đi dễ khó về”.

Đến thời chống Mỹ, địch đánh giá đây là mảnh đất nghịch, bất trị. Chúng mở nhiều chiến dịch chống phá cách mạng, càng không khuất phục được lòng dân Thường Lang hướng về Đảng và Bác Hồ kính yêu. Từ năm 1962, Mỹ và tay sai thực hiện “quốc sách” áp chiến lược, chúng gom dân vào một số điểm, nơi đây biến thành vùng trắng, tự do oanh kích. Nhiều xóm ấp từng đông vui trù phú, vẫn có tên trên bản đồ quân sự Mỹ nhưng có thêm chữ abandonned (đã bỏ đi), hoặc destroyed (đã bị phá hủy). Một số bà con qua sông Đồng Nai, tạm lánh ở xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu), trong số đó có

gia đình bà Nguyễn Thị Ngôn (Ba Ngôn).

Chồng mẹ là ông Nguyễn Văn Xáng, từng tham gia công tác địa phương Thường Lang, thời chín năm chống Pháp. Sau năm 1954, ông hoạt động bí mật, bám trụ địa bàn gây dựng cơ sở, góp phần khôi phục phong trào, giải phóng quê hương. Bốn con còn nhỏ theo mẹ qua ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu) tạm lánh bom đạn giặc. Ông cùng hai con gái lớn vào rừng chiến đấu. Thi thoảng, ông móc nối với cán bộ và du kích hai ven sông Đồng Nai, tránh những đợt tàu giặc tuần tra, về thăm nhà và nhận đồ tiếp tế.

Mẹ Ba Ngôn mới đầu đi làm mướn kiếm sống qua ngày, nhờ được nhiều bà con tốt giúp đỡ, mẹ thuê ruộng rồi khẩn được một ít đất hoang nên trong nhà có lúa, có tiền. Mỗi khi chồng về, mẹ đều có thứ gì đó để ông mang qua căn cứ: gạo, tiền, thuốc hút, thuốc chữa bệnh... Mẹ không quên hai con gái đang chịu đạn bom cùng nhiều khó khăn gian khổ, hiểm nguy từng phút từng giờ, sắm cho các chị một số quần áo, đồng hồ, đôi bông tai... (ở rừng, ở bụi, nhưng con gái cũng cần điểm tô chút đỉnh chứ!). Mẹ lén đào hầm bí mật trong nhà nuôi chứa một số cán bộ, bộ đội huyện Vĩnh Cửu như các đồng chí: Ba Thái⁽¹⁾, Năm Phê⁽²⁾, Tám Bảo⁽³⁾..., có lúc cũng tiếp tế cho anh em. Mẹ cho gạo vào thùng đạn đại liên, gánh ra góc ruộng xã để đó, đêm có người về lấy. Mấy đứa nhỏ của mẹ ra sức cùng trẻ con trong xóm đi lượm đạn Mỹ nhét đầy lon guigoz, trên bôi lượt com mỏng, mang theo lúc đi chăn trâu, đi làm ruộng... rồi đặt vào nơi quy ước cho du kích xã.

(1) Thái Văn Thái, nguyên Bí thư Huyện ủy Vĩnh Cửu.

(2) Nguyễn Văn Phê, nguyên Sư trưởng Sư đoàn 5.

(3) Nguyễn Văn Bảo, nguyên Đại đội phó C238 Biên Hòa.

Chị Nguyễn Thị Ớm (Ba Ớm) - con gái mẹ- được phân công làm tổ trưởng phụ nữ Thường Lang. Từ căn cứ của xã ở Lạc An về địa phương khá xa, nhưng chị thường về công tác, xây dựng phong trào trong số bà con ở lại, nhiều lần suýt dính địch phục kích. Đối với lứa tuổi trẻ, bom đạn giặc không hề ngăn cản tình yêu; chị đã quen thân một anh bộ đội, chắc đã hứa hẹn với nhau về tương lai hạnh phúc.

Chiều ngày 14/12/1967, trên đường về xã công tác, chị trúng pháo Mỹ đập trên đồi Bà Ớn (Lạc An). Các người cùng đi lượm được một số mảnh thi thể chị chôn tại chỗ, về sau, mưa gió xóa mất tích. Ông Xáng giấu tin, mãi mấy tháng sau mới cho mẹ hay. Sống trong lòng giặc, mẹ phải nén thương đau, chỉ ngấm ngấm khóc ban đêm để tránh những con mắt cú vọ rình mò.

Chị Nguyễn Thị Cụt (Tur Cụt) tính tình vui vẻ hoạt bát, lại thông minh, nên từ khi thoát ly được cử đi học y tá phục vụ căn cứ xã. Chị có người yêu là Tuấn, cán bộ huyện Tân Uyên. Hai người đã đính hôn. Một bữa, vượt sông Đồng Nai ban đêm về thăm mẹ xin phép đính hôn, chỉ một tháng nữa, sẽ có một đám cưới gọn nhẹ giữa muôn ngàn bom đạn giặc trong căn cứ Lạc An. Nhưng hoa hạnh phúc không kịp nở đã lụi tàn, chạng vạng tối 2/2/1968, đúng vào dịp tết Mậu Thân, chị Tur Cụt đi công tác lọt ổ phục kích Mỹ ở phần ruộng ông Chiêu, gần đồi Lồ Ồ và đã hy sinh. Ông Xáng lại giấu bà. Chỉ trong vòng hai tháng, mẹ Ba Ngôn mất liền hai núm ruột, đau thương chất ngất không thể giấu ai. Ông vượt sông Đồng Nai về an ủi mẹ; nhưng nhìn chồng, mẹ càng nhớ thương hai con khôn nguôi. Hai cái tang không đón gục được mẹ, tiếc thương người đã mất, nhưng còn phải lo cho những người đang sống nữa. Mẹ Ba Ngôn lại lao vào công việc làm ăn thường ngày

để có cái cho gia đình sinh sống, có cái tiếp tế cho chồng và anh em cán bộ, bộ đội. Tám Rô bị bắt, khai ra, do đó, mẹ bị bắt hai lần: lần đầu vào năm 1971, chúng giam một tuần rồi thả. Lần thứ nhì vào năm 1973, mẹ bị tù sáu tháng. Bọn điều tra ở một số nhà tù hỏi: "Chồng con đâu " ; mẹ trả lời trước sau như một: "Ông đi đâu, tôi không biết. Tôi ở nhà đi làm, nuôi bốn đứa nhỏ cực lắm..." Giam chán, chúng đành phải thả cho về. Mẹ lại âm thầm làm nuôi chồng con và anh em. Có lẽ vì thế, tính tình mẹ ngày càng trầm mặc ít nói.

Con trai thứ chín, Nguyễn Văn Xảng (Chín Xảng) vừa lớn, được móc đi làm giao liên cho Huyện đội Vĩnh Cửu. Anh rất gan dạ, sớm khuya được giao nhiệm vụ là đi liên, nên được các đồng chí thương mến. Chiều 15/5/1974, Chín Xảng cùng chị Cường vào căn cứ Huyện đội Vĩnh Cửu ở đồi Bùng Bình. Mẹ Ba Ngôn thấy sau đó một lát, có tiếng nổ rất lớn trong núi. Mẹ lo âu, đoán có chuyện chẳng lành. Trời tối, anh em trong đó ra mời mẹ vô, Chín Xảng và chị Cường hy sinh vì trúng mìn, được an táng ngay đêm đó. Mẹ Ba Ngôn ban ngày phải nén đau buồn, làm lụng và giao thiệp với mọi người bình thường. Chỉ đến đêm khuya thanh vắng, mẹ mới để nước mắt tha hồ tuôn chảy (Mộ liệt sĩ Chín Xảng nay ở nghĩa trang huyện Vĩnh Cửu).

Mẹ Ba Ngôn đã được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Độc lập, được địa phương quan tâm giúp đỡ. Mẹ đã hiến dâng một nửa số con cho đất nước. Nếu kể cả em ruột, cháu ruột, thì gia đình mẹ có chín liệt sĩ. Gia đình mẹ Ba Ngôn là gia đình chỉ đứng một phía cách mạng. Mẹ Nguyễn Thị Ngôn vùng Chiến khu Đ bất khuất được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng cao quý theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Nguyễn Thị Sảnh (1898-1987)

Mẹ sinh năm 1898 ở làng Bình Long, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) với những rặng tre xanh thăm cao vút, nghiêng mình bên dòng sông Đồng Nai. Khó có thể tưởng tượng miền quê này đã từng là một trong những địa bàn tranh chấp ác liệt trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ. Làng quê thật nghèo về vật chất mà thật giàu lòng yêu nước. Ngoài những người con liệt sĩ, nói về mẹ là nói về tấm lòng chăm sóc bộ đội không tiếc thân mình, không nề hà của cải vật chất trong những năm trường kỳ kháng chiến.

Là dân của vùng căn cứ Chiến khu Đ, bốn trong số tám người con của mẹ theo cha thoát ly. Bốn người còn lại cùng mẹ hăng hái tham gia vào các phong trào cách mạng, tích cực đóng góp sức người, sức của tiếp tế lương thực, vật dụng cho kháng chiến. Chiến tranh ngày càng khốc liệt, phải dẫn con dôi chỗ ở đôi ba lần, cuộc sống bươn chải thật khó khăn, mẹ vẫn không xao lãng nhiệm vụ của mình. Số tiền dành dụm qua việc bán từng cái bánh ú, bánh cam, mẹ gom góp mua thuốc men gửi vào căn cứ. Trong nỗi khổ đến cùng cực, mẹ vẫn chịu đựng âm thầm, không một lời than van.

Năm 1947, cái đau xé ruột lần đầu đến với mẹ là tin báo tử người con thứ tư - Nguyễn Công Danh - bị bắn trọng thương khi lọt ổ phục kích, anh bắt một số tên địch phải chết theo mình bằng quả lựu đạn do chính anh rút chốt giấu dưới bụng. Sau tiếng nổ long trời, thân xác anh hòa lẫn trong đất.

Sáu năm sau đó, mẹ như người điên dại khi đón nhận cái tang của chị Nguyễn Thị Thế, người con thứ sáu, trên đường công tác bị máy bay oanh tạc, chị hy sinh mà chưa kịp làm vợ, vì chỉ một tháng nữa thôi, hôn lễ sẽ cử hành. Nỗi đau mất con chưa lắng đọng thì năm 1958, mẹ lại vắn vãnh khăn tang tiễn chồng vào cõi hư vô do cơn bệnh hiểm nghèo bởi di chứng của những lần bị tra tấn tàn bạo trong nhà lao Côn Đảo. Số phận nghiệt ngã, đắng cay vẫn không chịu buông tha người cô phụ. Tang chồng chưa mãn, cái tang của người con lớn Nguyễn Hiền Dương lại chồng lên đôi vai gầy yếu, lên tấm lưng đã bắt đầu còng xuống của mẹ. Suốt mấy ngày trời, xác anh bị giặc phơi nắng và phục kích chờ người nhà đến nhận, bởi lẽ anh là Tỉnh ủy viên “một mạng của anh bằng cả trăm mạng khác”, như lời bọn giặc nói. Lần này, người nhà phải đưa mẹ lánh lên Tây Ninh, mong mẹ phần nào khuây khỏa. Nhưng làm sao nguôi ngoai được, khi mà chưa đầy mười lăm năm mẹ mãi mãi mất đi cả bốn người thân.

Nỗi đau của mẹ không dừng ở đó, anh Nguyễn Thành Long, đứa con trai còn lại, niềm hy vọng cuối cùng trong đời mẹ đã vĩnh viễn ra đi năm 1968 sau trận bom B52 của Mỹ. Tin Long hy sinh được gia đình giấu kín đến tận sau này vì sợ người mẹ đã quá nhiều đau khổ, mất mát không chịu nổi với cái tin báo tử thứ năm này. Mẹ không hề hay biết để khóc con bằng nước mắt khô đặc của người già, lòng vẫn nuôi hy vọng ngày thống nhất đất nước con sẽ về lao vào vòng tay nhớ nhung của mẹ. Rồi tình cờ mẹ cũng biết được anh Long đã hy sinh. Suốt đêm hôm ấy, không nói một lời, những ngón tay run rẩy của mẹ lục tìm kỷ vật còn sót lại của Long.

Trong số năm người hy sinh, mẹ chỉ giữ được một bộ hài cốt của chồng, còn các con thì mất xác, không biết những

núm ruột ấy giờ đang trôi nổi nơi đâu. Chết con, mẹ chết đi một lần, khi con chết mất xác, lòng mẹ lại hai lần chết đi. Sự cô đơn trong lòng mẹ lên đến tột cùng của nhiều sự cô đơn cộng lại. Nỗi đau trong lòng mẹ, đau đến mức không thể nhớ những cái đau riêng, nó lặn sâu vào lòng mà mẹ không thể gọi tên ra được. Có dịp mẹ lại nhắc đến con mình với cả sự hãnh diện và tự hào, tràn đầy tình yêu thương. Nhưng khi niềm vui nhen lên cũng là lúc nỗi buồn se lại.

Mẹ qua đời năm 1987 do chứng bệnh ung bướu ruột. Đây là hậu quả của lần bị bắt ở Tây Ninh. Trong năm ngày bị giam hãm, mẹ phải hứng chịu những đòn tra tấn tàn bạo của nhà tù đế quốc Mỹ và tay sai. Về đến nhà, vừa đặt chân lên bậc thềm, mẹ ngất xỉu, trên tay vẫn còn cầm trái mít mua cho đứa con thứ tám vì mẹ biết cô rất thích loại trái này. Những ngày trên giường bệnh, mẹ cứ lo mình chết đi, sẽ không ai bầu bạn, chở che Tám Thủy, không ngót lời dặn con giữ đạo làm người, giữ phẩm giá trong sạch của gia đình... Ngày 5/12 âm lịch, mẹ nằm xoay mặt vào tường, nói lời cuối cùng: “Đề má ngủ chút nghe Tám”. Cô chạy đến, mẹ đã trút hơi thở sau cùng.

Cả đời mẹ theo cách mạng, cả đời mẹ những giọt nước mắt cứ chảy thắm. Chồng con của mẹ đã sống, chiến đấu, hy sinh trong thanh thân và vô tư. Đã qua rồi một thời máu lửa, đạn bom. Trong vị ngọt của hòa bình vẫn còn đó dư vị mặn của nỗi đau mất mát, hy sinh. Mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.

Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 1994.



Nguyễn Thị Tám (1911 - 1981)

Mẹ Nguyễn Thị Tám sinh năm 1911, tại Cù Lao Phố (xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) trong một gia đình nông dân nghèo. Lớn lên mẹ lập gia đình với một thanh niên nghèo cùng làng.

Hai người ra sức làm thuê làm mướn, buôn thúng bán bưng cũng chỉ đủ sống hết sức tần tảo. Con trai đầu lòng Nguyễn Văn Liễu ra đời, cái đói nghèo càng đeo bám riết không tha vợ chồng mẹ Tám.

Khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Nguyễn Văn Liễu là thiếu niên chưa lớn vẫn hăng hái gia nhập Thanh niên Tiền Phong xã. Liễu cũng đi tập quân sự cùng các anh lớn hơn, đêm đêm tuần tra canh gác xóm làng. Mẹ Tám rất vui, thấy con trai không thua anh kém em, ra sức làm nuôi anh tham gia việc xã hội. An ninh trật tự ở Cù Lao Phố vào những ngày này rất tốt, các tệ nạn trộm cắp, cờ bạc... tự dưng biến mất. Các tay anh chị năm xưa bây giờ tu tỉnh, gia nhập lực lượng vũ trang, Quốc gia tự vệ cuộc (công an)... Chỉ với vài cây súng oanh tằm sào, tiểu đội Nguyễn Phong Vân (Xuân Đào) dám tham gia cướp súng trên xe lính Nhật, dám nổ súng vào đoàn xe địch tiến chiếm Biên Hòa sáng 25/10/1945. Gương các anh lớn là mơ ước của Liễu.

Giặc đóng bót cầu Rạch Cát, càn quét, cướp phá Cù Lao Phố. Mẹ Tám thấy giữ con ở nhà không có lợi. Địch có thể bắt con mẹ đi lính partissant cầm súng bắn lại bà con làng xóm. Vì vậy, mẹ đồng ý cho con đi thoát ly, tham gia du kích xã, đóng ở căn cứ du kích Bình Đa bên kia sông Đồng Nai.

Mẹ ít qua thăm anh vì anh thường về Cù Lao luôn. Lúc thì đi bảo vệ cán bộ thu góp tiền đồng bào ủng hộ kháng chiến. Lúc thì anh và đồng đội gác cho chi bộ và ủy ban hợp ngay tại xã với số cốt cán nằm vùng. Lúc thì chở bà con qua sông, đi phá cầu cống và quốc lộ 15... Mỗi lần anh về, mẹ đều có chút gì cho con mang theo. Tuy nghèo, mẹ dám vét hết hũ gạo nấu cho các anh về công tác cùng ăn; bữa tối, mẹ tính sau.

Ngày 18/4/1948, pháo địch bắn anh bị thương ở gần bên đò An Hảo. Được đồng đội chuyển về trạm quân y Gò Cây (Bình Đa) cứu chữa, nhưng anh không qua khỏi. Anh được an táng tại Truông Nước Nhĩ (An Hảo). Mẹ Tám nghe tin, ruột đứt từng đoạn, tưởng có thể chết theo con. Nhưng năm tháng trôi đi, nỗi đau lặn vào trong. Nhìn các đồng đội của con già đi, mẹ không sao hình dung nổi nếu Liễu còn, thì lúc này hình dáng ra sao. Liễu mãi mãi ở lứa tuổi 17 non tơ da mặt mọng căng, chưa có ria mép...

Mẹ không có nhà nên được đồng chí Nguyễn Thị Hoa (Bảy Nhỏ) vận động làm cho cái nhà nhỏ lấy chỗ ra vào. Những lúc ốm đau, thiếu thốn, mẹ được bà Nguyễn Thị Định (Hai Chơi) chăm sóc. Mẹ đã gặp gỡ con trai ở cõi vĩnh hằng. Tám ảnh duy nhất trong tám giấy chứng minh nhân dân đã theo mẹ vào lòng đất. Dấu tích vật chất duy nhất còn lại của mẹ là nắm mộ đơn sơ. Con trai mẹ hy sinh, đóng góp một trong những viên gạch đầu tiên xây dựng nên truyền thống xã Hiệp Hòa - đơn vị anh hùng, Nhà nước ghi nhận những công lao và cống hiến của mẹ và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522/KTCTN ngày 27/8/1995.

Mẹ và gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000.



Phan Thị Mão (1916 - 1937)

Vùng Bạc Liêu thuộc bán đảo Cà Mau trước cách mạng tháng Tám 1945 có tiếng là xứ sở giàu có, ruộng đồng bát ngát mênh mông với địa danh Đồng chó ngáp (chó chạy băng qua há miệng mà ngáp). Công tử Bạc Liêu tiêu xài huy hoắc, đốt tờ bạc con công (5 đồng bằng 25 gạ lúa) để soi tìm đồng 5 xu của bò đánh rớt găm bàn. Ông chủ điền mỗi tháng đòi một xe hơi mới toanh vì... cái gạt tàn thuốc trong xe đầy ắp, ông ngại đổ bỏ... Các giai thoại ấy nói lên sự thật lịch sử đầy đau thương của đa số nông dân nghèo.

Cuộc đời Bà mẹ Việt Nam anh hùng Phan Thị Mão minh chứng cho nghịch lý giai thoại trên. Mẹ sinh khoảng giữa thập niên 10 của thế kỷ 20 tại xã Long Thạnh, quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trong một gia đình nông dân làm mướn nghèo. Lớn lên, mẹ lấy chồng cũng là tá điền nghèo. Hai người phải lĩnh canh ruộng của chủ điền, đến mùa đông thóc tô trả chủ. Ăn ở với nhau không bao lâu, chồng mẹ lâm bệnh qua đời năm 1936, trong lúc mẹ mang thai. Năm sau, Đinh Sửu 1937, mẹ sinh hạ con trai Lê Văn Đình. Thiếu ăn, thiếu thuốc, nên chỉ mấy tháng sau mẹ Phan Thị Mão qua đời vì bệnh hậu sản.

Lê Văn Đình được người cô ruột là Lê Hoàng Hương nuôi dưỡng từ lúc còn trứng nước. Lớn lên tí chút, bà Hương cho cháu đi học trường làng. Tháng 9/1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần nữa. Quận Vĩnh Lợi bót địch dăng chỉ chít, chúng ngày đêm càn quét hại dân. Không thể ở yên nơi chôn nhau cắt rún, năm 1948 bà Hương mang

Đình lên Bến Tre tá túc. Xứ dừa không phải là nơi dung thân yên ổn mà làm ăn nuôi đứa cháu cô cút, bà chuyển lên sống ở am Phước Thiện vùng Hòa Hưng (Sài Gòn). Tuy tu hành và làm việc thiện, bà ráng cho Đình tiếp tục đi học ở Sài Gòn từ năm 1950.

Cuối năm 1954, Lê Văn Đình học trường tư thục Kiến Thiết (gần ngã sáu Cách Mạng Tháng Tám - Võ Thị Sáu - đường 3-2 bây giờ). Vào thời điểm này, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn rất sôi nổi. Nhiều người tham gia phong trào bảo vệ hòa bình do giới trí thức - mà tiêu biểu là luật sư Nguyễn Hữu Thọ, thạc sĩ Phạm Huy Thông, kĩ sư Lưu Văn Lang, giáo sư Nguyễn Văn Dưỡng...- đòi chính quyền Ngô Đình Diệm phải thi hành đúng đắn Hiệp định Genève, không khủng bố trả thù người kháng chiến cũ, phải hiệp thương với miền Bắc để tổng tuyển cử thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình... được cán bộ ta giáo dục, Lê Văn Đình - lúc này 17 tuổi - say sưa tham gia các cuộc mít tinh, biểu tình, thu thập chữ kí vào các bản kiến nghị gửi Ủy hội Quốc tế giám sát và kiểm soát việc thi hành hiệp định. Tháng 12/ 1954, anh được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Lao động ở chi đoàn trường Kiến Thiết (Sài Gòn). Người cô ruột Lê Hoàng Hương không hề biết cháu mình hoạt động chính trị chống lại chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô. Chỉ đến khi Đình bị bắt (năm 1956) bà mới biết, do có người nói.

Anh bị giải đi một số nơi thẩm vấn, điều tra ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Người đoàn viên thanh niên Lê Văn Đình không hề khai báo, do đó chúng chuyển anh về Trung tâm cải huấn Tân Hiệp giam giữ, chờ ngày mang đi đày Côn Đảo. Hiện nay nhà bảo tàng Đồng Nai còn giữ một tờ đơn của bà Lê Hoàng Hương xin thăm nuôi Võ Phi Cơ (bí danh của Đình).

6 giờ chiều ngày chủ nhật 2/12/1956, Đảng ủy nhà lao Tân Hiệp tổ chức cuộc phá khám lớn nhất trong lịch sử nổi dậy của các nhà tù thời kháng chiến - 462 cán bộ đảng viên và người yêu nước thoát khỏi sự giam cầm của giặc, trở về với Đảng, với nhân dân. Nhưng 22 chiến sĩ đã hy sinh vì đạn địch bắn đuổi theo, trong đó có Lê Văn Đình (Võ Phi Cơ). Tên anh được ghi ở số 17 trang 126 cuốn sách Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (2/12/1956) của Nhà xuất bản Đồng Nai năm 1994.

Đau xót trước cái chết của người cháu thân yêu, tuy đi tu xuất thế, song bà Lê Hoàng Hương không dừng dung, thờ ơ với đất nước. Bà trở thành giao liên và nuôi giấu đồng chí Lê Văn Út (tức Sáu Kiêm, Hồ Thiện Ngôn) ở xóm Lò Heo - Gia Định thời gian dài. Năm 1960, bà về ở thị xã Biên Hòa, mở chi nhánh nhà thuốc thầy Ba Cầu Bông (đường Trịnh Hoài Đức)...

Cuộc đời mẹ Phan Thị Mão quá vất vả nhưng mẹ để lại cho đất nước người con trai duy nhất dám hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc cao quý. Vì vậy mẹ được Tổ quốc ghi nhớ công ơn sinh thành liệt sĩ bằng việc truy tặng danh hiệu vẻ vang Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994..



Phan Thị Trê (1924 - 1981)

Mẹ Phan Thị Trê sinh năm 1924 tại xã Thái Hòa, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé (nay là phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương), trong một gia đình nông dân. Mẹ lập gia đình trước năm 1945, bảy, tám lần sinh đẻ, nhưng chỉ năm người con sống đến tuổi trưởng thành.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông Thái Long Đô - chồng mẹ tham gia công tác xã, trở thành Bí thư chi bộ xã Thái Hòa đầu tiên. Giặc đóng bót Tân Ba, càn quét, bình định liên tục để giữ con đường 16 Biên Hòa - Tân Uyên, phá vùng căn cứ Khánh Vân nằm trên đường giao liên của ta từ chiến khu Đ qua tỉnh Gia Định. Một mình mẹ Phan Thị Trê gánh vác nhiều việc: làm ăn nuôi chồng và các con, đóng góp ủng hộ kháng chiến, dắt díu bảy con nhỏ chạy giặc càn bót xóm làng... Khi ông được điều lên công tác trên huyện và tỉnh Thủ Biên (năm 1951), mọi việc nhà đều do mẹ lo liệu.

Là cán bộ dân chính, sau Hiệp định Genève tháng 7/1954, ông được bố trí ở lại hoạt động. Trong giai đoạn ta đấu tranh chính trị (1954-1959), đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tiến hành chiến lược chiến tranh một phía. Chúng tiến hành tổ cộng diệt cộng, mở nhiều nhà tù, trại giam, dựa vào quân đội được Mỹ trang bị tối tân và cảnh sát ra sức bắt bớ, bắn giết cán bộ, đảng viên và mọi người yêu nước. Ông Thái Long Đô được cử làm công tác binh vận, liên tục phải tránh né địch. Con trai Thái Long Thanh cũng đi theo ông công tác từ những ngày khó khăn gian khổ này. Mẹ Phan Thị Trê lo cho chồng, con,

nếu có điều kiện lại tiếp tế cho hai người. Mẹ còn là cơ sở mật giúp đỡ anh em về hoạt động địa phương. Vì gia đình có người đi cách mạng, mẹ và các con nhỏ bị chúng phân loại o ép, kèm kẹp, theo dõi chặt. Thái Long Hải (Sáu Hải) - con trai mẹ - tuy còn nhỏ nhưng hết sức gan dạ. Cuối năm 1962, địch gom dân lập ấp chiến lược. Một số lần em nhằm sơ hở của địch, lấy súng, lựu đạn cho anh em du kích xã. Một lần, em nhét hai trái lựu đạn trong cặp sách, đi ngang chỗ có chiếc máy bay trực thăng đậu, ném một trái. Nhưng do chưa biết cách rút chốt, trái lựu đạn không nổ. Bọn lính xanh mặt, không hiểu ai ném, từ đó chúng không cho bất kỳ ai đến gần nơi máy bay đậu. Em quan sát kỹ nơi bọn lính ngủ trà trộn trong nhà dân, đến đêm tìm cách đột vào. Một đêm, em mò vào chỗ bọn lính ngủ say, thấy chiếc máy thông tin PRC.10 đặt cạnh khẩu carbine. Suy tính kỹ, em chọn cây súng nhẹ hơn, đem giấu ở rãnh, ngụy trang phía trên. Sáng ra, chúng đổ xô đi tìm, thấy súng và bắt dân vệ dẫn đi lùng bắt “thằng Việt Cộng con”.

Du kích ta kịp thời đưa em về huyện. Mẹ Phan Thị Trẻ sợ giặc khủng bố, bỏ quê tìm đường lên chiến khu. Mẹ và các con gặp chồng trên một lưng dốc, ông đang đi công tác. Thái Long Hải kể cho các cô chú trong cơ quan dân vận khu nghe. Ít lâu sau, Hội Phụ nữ miền Đông cho in và phổ biến cuốn sách “Em bé tí hon” (năm 1964).

Anh Thái Long Phụng (Năm Phụng) vào căn cứ, làm liên lạc cho đồng chí Sáu Thành, rồi làm quân báo. Sau đó, anh được cử vào thành, hoạt động trong phong trào Thanh lao công của linh mục Phan Khắc Từ.

Ông Thái Long Đô được cử làm Thư ký Nông hội Phân khu 4, về chuẩn bị cho đợt tập kích chiến lược xuân Mậu

Thân ở chiến trường Nam Thủ Đức. Ngày 15/12/1968, ông hy sinh vì máy bay Mỹ bắn ở ấp Vòi Voi, xã Phước Nguyên, huyện Long Thành. Mẹ Phan Thị Trẻ đang công tác ở cơ quan trường Đảng, nghe tin dữ, vô cùng đau xót. Từ đó, mẹ thường nhắc nhở các con noi gương cha.

Con gái thứ bảy của mẹ là Thái Kim Loan đi thoát ly năm 1972, là nhân viên Văn phòng Tỉnh ủy Biên Hòa. Lúc này, anh Thái Long Phụng làm tổ trưởng cơ yếu điện đài Tỉnh ủy Biên Hòa. Sau chiến thắng Xuân Lộc ngày 21/4/1975, cánh cửa thép phía Đông Sài Gòn đã mở toang. Bộ đội ta trùng trùng điệp điệp theo nhiều ngã, tiến về Sài Gòn.

Ngày 25/4/1975, máy bay địch ném bom đôi Ba Mộ (Long Thành), anh Thái Long Thanh và cô Thái Kim Loan hy sinh trong trận này. Hai người con của mẹ Phan Thị Trẻ ngã xuống đúng năm hôm trước ngày toàn thắng làm mẹ đau đớn vật vã.

Mẹ Phan Thị Trẻ được hưởng đầy đủ mọi chính sách của Đảng và Nhà nước, được tặng Huân chương Độc lập vì bản thân mẹ tham gia cách mạng, có chồng và hai người con là liệt sĩ. Mẹ qua đời khoảng đầu năm 1980 và năm 1994 mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Trần Thị Hai (1922)

Đầu năm 1994, chúng tôi đến ngôi nhà tình nghĩa ở KP.4, phường Tân Hiệp (TP Biên Hòa) thăm mẹ Trần Thị Hai khi mẹ đang lui cui dọn lau bàn thờ - một thói quen mà mẹ vẫn làm để lấy niềm vui cho tuổi già. Bàn tay già nua của năm tháng lau nhẹ lớp kính mờ hương khói trên hai tấm di ảnh của chồng và con mẹ. Những giọt nước mắt hiếm muộn trào ra... chúng tôi không khỏi chạnh lòng... Năm tháng qua đi, ở vào cái tuổi “thất thập”, nhưng mẹ vẫn giữ được dáng người nhanh nhẹn, tháo vát ngày nào.

Quê mẹ ở xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ngược dòng thời gian, bằng những mảnh ký ức thoáng nhớ, thoáng quên, mẹ kể cho chúng tôi nghe về cuộc đời của mẹ.

Năm 1940, mẹ Trần Thị Hai lấy ông Trần Công Minh (sinh năm 1917, tại Ninh Điền, Châu Thành, tỉnh Tây Ninh), một cán bộ tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1944 thì Phạm Công Sơn, người con trai đầu lòng ra đời. Năm 1947, ông Minh, chồng mẹ bị Pháp bắt đi... và từ đó, cho đến ngày đất nước thống nhất, mẹ mới gặp lại người chồng sau bao năm xa cách.

Những năm tháng vợ vắng chồng, con vắng cha, mẹ đã một mình tần tảo nuôi con. Năm 1962, Phạm Công Sơn tham gia cách mạng và thoát ly công tác. Thương con, mẹ cũng trở thành chiến sĩ cách mạng hoạt động âm thầm với công tác hậu phương. Biết bao công việc đã đi qua tay mẹ từ cày

thuê, cuộc mướn, gánh nước, bán buôn... thậm chí còn ở đợ cho người để lấy tiền mua đồ tiếp tế cho con, cho anh em cách mạng. Những địa danh Sài Gòn, Chợ Lớn, Hóc Môn, Bà Điểm, núi Bà Đen... đã từng in dấu chân mẹ. Rong ruổi khắp nơi với gánh hàng rong, mẹ đã qua mặt bao lần kiểm soát gắt gao của quân cảnh với những tín thư, tài liệu mật được giấu kín trong búi tóc rất dày của mẹ. Những lần bị chỉ điểm, bọn địch bắt, tra tấn nhưng mẹ vẫn một mực không khai, chúng phải thả mẹ về sau khi để lại những thương tích trên thân thể mẹ... Cho đến tận bây giờ, những khi trái gió, trở trời, vết thương ấy vẫn đau nhức trong xương trong cốt.

Nén đau thương, mẹ lại tiếp tục cuộc hành trình với con - anh Phạm Công Sơn - một chiến sĩ đặc công gan góc, thiên biến vạn hóa với các biệt danh Sơn lì, Sơn đen... anh là nỗi kinh hoàng của bọn địch ở núi Bà Đen, chúng đã dán cáo thị khắp nơi, treo giải mười triệu đồng cho ai bắt được anh Sơn. Là người mẹ tràn đầy tình thương con, mẹ có thể nào yên lòng khi đọc những cáo thị ấy, trong lòng mẹ lẫn lộn vừa lo, vừa tự hào về người con dũng cảm của mình.

Nhưng rồi nỗi lo cứ lớn dần khi mẹ bắt tin con. Nước mắt mẹ đầm nơi bàn thờ có ảnh anh Sơn ở tuổi 13, mà bao năm tháng mẹ phải cuốn tròn cho vào ống tre chôn dưới đất để tránh tai mắt địch...

Sau 6 năm được bí mật cử đi học ở Hà Nội, anh Sơn trở về với mẹ trong niềm vui hội ngộ. Và rồi, sau lần gặp gỡ ấy, anh Sơn đã vĩnh viễn nằm lại ở xã Trường Hòa, huyện Phú Khương, Tây Ninh vào ngày 26/8 năm Nhâm Tý (1972) trong một lần công tác bị lọt vòng phục kích của địch.

Nhận được tin con, một lần nữa, mẹ quặn đau từng khúc ruột, lập lại bàn thờ cho con. Rồi đến năm 1985, mẹ lại lập

bàn thờ chồng. Còn lại một mình với nỗi cô đơn quạnh quẽ, mẹ về ở với chị Phạm Thị Thu Hà từ năm 1994. Dù không là ruột thịt, nhưng mẹ hết lòng yêu thương con, cháu; chị cũng rất quý mến mẹ như mẹ ruột của mình.

Nỗi đau rồi cũng qua đi, nay cuộc sống của mẹ đã ổn định. Mẹ yên tâm sống những tháng ngày còn lại trong niềm vui và sự chăm sóc chu đáo của con cháu, của các cấp, các ngành. Đó là niềm an ủi lớn lao của mẹ, một đời người đã cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1985 và phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 384/KTCTN ngày 24/4/1995.



Trần Thị Hoa (1912-1975)

Mẹ Trần Thị Hoa sinh năm 1912 ở làng Bình Đa, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa cũ (nay là phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) trong một gia đình nông dân nghèo. Mẹ lấy chồng cũng nghèo, sinh được hai con trai: Dương Văn Thái (còn gọi là Trần Văn Láo) và Dương Văn Hiền (tên khác là Trần Văn Sơ), phải đi làm mướn (nấu cơm) cho bà Cẩm ở nhà thương điên Biên Hòa. Khi chồng chết, mẹ phải đưa Hiền cho người chị ruột là Trần Thị Giỏi, nuôi dùm mấy năm vì bà chị không có con trai. Đến khi gia đình bớt khổ, mẹ đi bước nữa.

Sau Hiệp định Genève tháng 7/1954, vợ chồng mẹ mới quay về Bình Đa làm ăn sinh sống, gia đình đoàn tụ.

Căn cứ du kích Bình Đa thời chín năm chống Pháp như mũi dao nhọn chĩa vào nội ô Biên Hòa. Nhiều đơn vị bộ đội từng đứng chân tại đây, vươn ra đánh giao thông trên quốc lộ I, quốc lộ 15 (nay đổi là quốc lộ 51), đường xe lửa... Nhiều cán bộ từ đây đi vào nội ô hoặc đi Sài Gòn hoạt động. Đến thời chống Mỹ, Bình Đa cũng là địa bàn bám trụ của cán bộ thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Nhà mẹ Hoa ở nơi khuất nẻo, vắng vẻ nên anh em hay lui tới. Tuy nghèo, mẹ sẵn sàng nuôi giấu, tiếp tế cho nhiều đồng chí suốt nhiều năm. Anh Hai Láo và Ba Sơ được mẹ lấy vợ cho, đều có một con thì các đồng chí Lê Văn Chúc, Tư Gắt... mọc nổi, giáo dục, động viên các anh hiểu rõ nhiệm vụ to lớn trước mắt là phải lên đường giết giặc cứu nước. Hai anh thoát ly khoảng tháng 8/1960 khi phong trào

Đồng khởi vừa lan rộng khắp nơi ở miền Nam.

Anh Hai Láo gia nhập đơn vị D.481 Bình Thuận. Anh Ba Sơ được phân về C.486 bộ đội địa phương Bình Thuận. Mẹ Hoa và hai người vợ trẻ rất thương nhớ các người thân, nhưng không có cách nào đi thăm và cũng không biết hai anh ở góc biển chân trời nào... Những tháng, năm dài thăm thẳm trôi qua, không một lá thư nào gửi về gia đình. Rồi mẹ Hoa và hai người vợ trẻ loáng thoáng nghe đồn hai anh đã hy sinh. Mẹ đau đớn vô kể, nửa tin nửa ngờ không rõ thực hư. Mấy năm sau, mẹ đồng ý cho các chị đi lấy chồng dù lòng bị vò xé: mất con, mất luôn cả dâu, các cháu bơ vơ cô cút...

Mẹ Trần Thị Hoa qua đời ngày 7/7/1975 (28 tháng năm Ất Mão) chưa kịp biết rõ ngày cúng cơm các con, chưa kịp hưởng chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Mãi mấy năm sau, các đồng chí Lê Văn Chúc - người tổ chức cho các anh ra đi - và Ba Đôn - cán bộ chỉ huy Tỉnh đội Phan Thiết làm đầy đủ hồ sơ; bấy giờ mới rõ: liệt sĩ Dương Văn Thái hy sinh ngày 7/5/1962 (4 tháng tư năm Nhâm Dần), liệt sĩ Dương Văn Hiền hy sinh trong chiến đấu ngày 27/9/1963 (10 tháng 8 năm Quý Mão).

Mẹ Trần Thị Hoa đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994.



Trần Thị Tình (1917 - 2011)

Mẹ Trần Thị Tình (Ba Tình) quê ở xã Phước Tân, huyện Long Thành (nay thuộc TP. Biên Hòa) nhưng từ lâu đã thường trú tại xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa. Mẹ sinh năm 1917, đến năm 1995 đã 78 tuổi nhưng vẫn vui vẻ, khỏe mạnh.

Chồng của mẹ tham gia dân quân du kích xã Phước Tân hồi kháng chiến chống Pháp. Ông bị bắt và bị giết hại, thủ tiêu mất xác ngày 15/9/1946. Ông là một trong những liệt sĩ đầu tiên ở địa phương. Đau xót vô hạn với mất mát lớn lao này, mẹ càng tích cực tham gia công tác phụ nữ xã.

Năm 1951, mẹ Ba tái giá. Lúc này phong trào kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn. Năm 1952, ta có chủ trương giảm chính nên mẹ được phép về Cù Lao Phố làm ăn sinh sống. Con trai Phạm Văn Giữ ra đời chưa bao lâu, mẹ chia tay với cha đứa bé, một thân một mình nuôi con. Mẹ phải đi làm mướn, mò cua, bắt ốc... không ngọn rạch nào của Cù lao mà mẹ chưa đặt chân tới. Hồi đó, ít người làm nghề này nên hai mẹ con đủ sống qua ngày. Rồi mẹ hái rau mốp, muối chua đem đi bán nhẹ nhàng hơn mà lại có giá hơn mò cua bắt ốc lắm lũ nắng mưa. Nhờ vậy, mẹ cho Giữ đi học bằng chúng bằng bạn.

Giữa năm 1965, quân Mỹ và chư hầu đổ vào Biên Hòa. Lúc này, Giữ mới 13 tuổi, đang học đệ thất (nay là lớp 6) trường trung học ở nội ô Biên Hòa. Thi thoảng mẹ dắt Giữ về quê thăm họ hàng, xóm làng một bữa. Được tiếp xúc với

mấy chú, mấy anh đồng mình, Giữ mê luôn, trốn theo. Một cán bộ địa phương tìm hỏi ý kiến mẹ biết rằng chiến tranh không tránh khỏi mất mát, hy sinh. Giữ là hy vọng và an ủi duy nhất của mẹ. Cả một đời mẹ chỉ chắt chiu, chăm bẵm cho Giữ. Song sống trong cảnh mất nước cũng chẳng có ý nghĩa gì. Vì vậy, mẹ đồng ý cho đưa con duy nhất yêu thương đi theo giải phóng.

Giữ tuy nhỏ nhưng rất chí⁽¹⁾, không ít lần dám xông pha nơi nguy hiểm. Có bữa mẹ đến thăm, Giữ đang còn cùng mấy anh đi đánh lính “Mãng xà vương” Thái Lan. Năm 1971, tình hình chiến sự rất ác liệt. Địch liên tiếp mở các chiến dịch bình định. Lực lượng cách mạng xã Phước Tân hao mòn dần, tổn thất nặng. Phạm Văn Giữ mới 19 tuổi, trải qua sáu năm chiến đấu, được cử đảm đương nhiệm vụ Bí thư chi bộ thay các đồng chí hy sinh.

Bằng tin con hơn nửa năm, mẹ Ba Tình đi tìm, nhưng cơ sở nói Giữ đi công tác vắng. Rồi một bữa gặp cơ sở đi chợ Biên Hòa, mẹ được cơ sở mật thông báo ngắn: “Anh Giữ hy sinh đêm 11/4/1971 (16 tháng 3 Tân Hợi) trong khi đột nhập ấp Tam Phước để móc nối xây dựng cơ sở “. Mẹ suýt bị xỉu tại chợ, phải nén đau thương gắng về tới nhà. Mẹ cúng cơm con trai, nuốt nước mắt vào lòng.

Mẹ Trần Thị Tình được Đảng, Nhà nước tặng Huân chương Độc lập, được Nhà nước phong tặng danh hiệu vẻ vang Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394/KTCTN ngày 17/12/1994. Mẹ được hưởng đầy đủ chính sách, được dựng nhà tình nghĩa, được xã Hiệp Hòa quan tâm chăm sóc, cuộc sống cuối đời đảm bảo, song nỗi buồn mất người con duy nhất thì mãi mãi khôn nguôi.

(1) Gan dạ.



Trần Thị Vườn (1922)

Mẹ Trần Thị Vườn (Năm Vườn), sinh năm 1922 tại ấp Thuận Giao, xã Thuận Giao, quận Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương) trong một gia đình nông dân. Mẹ lấy chồng, sinh hạ duy nhất con trai Nguyễn Văn Thời (năm 1940). Chẳng bao lâu, mẹ Năm lâm cảnh góa bụa mà Thời còn thơ ấu.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, mẹ tham gia Đoàn Phụ nữ cứu quốc xã. Giặc Pháp xâm lược nước ta lần nữa, chúng chiếm tỉnh lỵ Thủ Dầu Một rồi nổi ra xung quanh, đóng nhiều tua bót, càn quét bình định gom dân vào vùng địch chiếm.

Ấp mẹ ở là vùng gò còn nhiều lùm rừng chồi, chính quyền xã, du kích, và bộ đội thường đóng, từ đó bung ra đánh địch. Mẹ được giao nhiệm vụ thu gạo, tiền tiếp tế cho anh em. Còn rất trẻ, trên bước đường công tác, mẹ tái giá với một cán bộ huyện. Do đó, mẹ làm công tác hậu cần cho công an huyện một thời gian dài. Nguyễn Văn Thời - con trai mẹ mới 7 tuổi đã rất lanh lợi, mới đầu làm giao liên cho công an huyện, sau cho Huyện ủy Lái Thiêu. Thời được tính thời gian thoát ly từ tháng 2/1947 vì thực tế ăn cơm Nhà nước và nhân dân từ đó. Thời lợi dụng sơ hở của địch, trẻ con ít bị nghi ngờ, luôn lách mang tài liệu, công văn bao lần qua các chặng gác của địch đều trót lọt. Người chồng sau của mẹ Năm Vườn hy sinh tháng 6/1954, trước khi Hiệp định Genève ký kết; ông đã được công nhận là liệt sĩ chống Pháp.

Sau năm 1954, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp. Nhân dân miền Nam bước vào giai đoạn đấu tranh mới. Mẹ Năm Vườn trở thành cơ sở chí cốt của địa phương. Mẹ tiếp tục công việc nuôi giấu anh em vào lúc phong trào tạm lắng. Năm 1960, cuộc Đồng khởi từ Bến Tre lan khắp miền Nam. Ở xã Thuận Giao, cơ sở Đảng và đội du kích mật thành lập. Anh Nguyễn Văn Thời đã lớn, được mẹ lập gia đình cho. Cán bộ huyện và xã khơi gợi lại giai đoạn kháng chiến chống Pháp hào hùng khiến anh không thể chỉ nghĩ đến hạnh phúc riêng. Anh gia nhập du kích xã. Địch chà xát Thuận Giao nhiều lần hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng địa phương. Khi đồng chí xã đội trưởng hy sinh, anh lên thay, là xã đội trưởng thứ năm. Chiến lược chiến tranh một phía của Mỹ và tay sai phá sản, chúng thay bằng chiến lược “chiến tranh đặc biệt” từ giữa năm 1962. Xã Thuận Giao cũng như các xã khác bị địch gom dân lập ấp chiến lược.

Viên hương quản - sau đổi là ủy viên cảnh sát xã, thấy mẹ Năm cạo đầu, mặc áo đà, đi ở chùa để dễ bề công tác, biết rõ con trai mẹ là Việt Cộng nằm vùng, có lần xoa đầu mẹ:

- Có một đứa con, kêu nó về, tính để nó chết à?
- Nó lớn rồi, muốn làm gì tôi cấm cản sao được...

Vợ anh Thời nghe người ta nói sao đó, bỏ về nhà mẹ ở xã khác. Không vương bận gì, anh càng có điều kiện lao vào công tác. 7 giờ sáng 28/12/1961 (21 tháng 11 năm Tân Sửu), mẹ Năm nghe súng nổ rộ ở khu gò Nhỏ Đậu, nơi bà con làm rẫy trồng hoa màu. Một người bà con chạy về, mời mẹ ra đó có chuyện gấp. Linh tính của người mẹ thầm nhắc chắc có chuyện không hay gì đây. Mẹ bình tĩnh hỏi:

- Thằng Thời bị thương hay hy sinh? Nói thẳng cho tôi biết.